

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC SXKD NĂM 2024

1. Tình hình chung

Hoạt động trong tình hình nền kinh tế thế giới luôn đối mặt với nhiều thách thức, rủi ro do các cuộc xung đột địa chính trị, căng thẳng ở một số khu vực nhưng ngành khai thác cảng biển vẫn tăng trưởng tốt trong năm 2024. Trong đó, hàng hóa qua Cảng Chân Mây phát triển mạnh nhờ vào nhu cầu thị trường và sự tổ chức điều hành, sắp xếp hợp lý các điều kiện hạ tầng, trang thiết bị và nhân lực hiện có tại Cảng.

Các yếu tố thuận lợi hỗ trợ hoạt động khai thác Cảng hiệu quả trong năm 2024 phải kể đến như thời tiết khô ráo tạo điều kiện công tác làm hàng được liên tục, đảm bảo năng suất xếp dỡ; nhu cầu thị trường dầm gổ và than tăng trưởng mạnh; dịch vụ tàu khách hồi phục nhanh; dịch vụ gia tăng tại bãi mang lại doanh thu, lợi nhuận tăng thêm ngoài kế hoạch, Nghị quyết số 18 và số 25 về thí điểm một số chính sách hỗ trợ cho hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển hàng container và các đối tượng có hàng hóa vận chuyển bằng container đi, đến cảng Chân Mây được tiếp tục gia hạn.

Bên cạnh đó, Công ty cũng gặp phải các khó khăn, trở ngại như tình hình cạnh tranh trong khu vực gay gắt hơn, trong khi hạ tầng kho bãi, thiết bị còn hạn chế; việc đảm bảo môi trường trong điều kiện tiếp nhận các loại hàng rời là rất khó khăn; công tác nạo vét Bến số 1 chưa triển khai do thủ tục ĐTM phức tạp, kéo dài đang làm hạn chế khả năng tiếp nhận tàu cỡ lớn, giảm hiệu quả kinh tế đối với khách hàng và tính linh hoạt của Cảng.

Đối với dịch vụ container, lượng hàng hóa của khu vực Miền Trung không cân đối giữa hàng xuất khẩu và nhập khẩu và chưa phát triển như kỳ vọng; cơ sở hạ tầng logistics trên địa bàn chưa đồng bộ, thiếu hệ thống các trung tâm logistics; hạn chế về kho bãi, thiếu quỹ đất để xây dựng thêm kho, bãi hàng container...đến nay năng lực xếp dỡ hàng container của Cảng vẫn còn quá thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu tối thiểu của Hãng tàu dẫn đến hạn chế lớn trong việc thu hút các hãng tàu container.



2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024

2.1 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh %	
			1	2	3	3/1	3/2
1	Sản lượng bốc xếp						
	+ Hàng rời, DV liên quan	Tấn	3.956.537	4.700.000	5.394.231	136,3%	114,8%
	+ Hàng container	TEU	7.385	23.760	8.395	113,7%	35,3%
2	Tổng lượt tàu	Lượt	614	-	701	114,2%	
	Lượt tàu hàng	Lượt	525	-	595	113,3%	
	Lượt tàu container	Lượt	65	-	66	101,5%	
	Lượt tàu du lịch	Lượt	24	-	40	166,7%	
3	Du khách/thuyền viên	Người	51.512	-	90.960	176,6%	
4	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	229.583	276.400	384.742	167,6%	139,2%
4.1	Doanh thu từ sxkd	Tr.đồng	227.424	276.400	383.208	168,5%	138,6%
	+Doanh thu hàng rời, hàng khác	Tr.đồng	150.926	180.367	223.620	148,2%	124,0%
	+Doanh thu hàng container	Tr.đồng	8.185	31.291	11.289	137,9%	36,1%
	+Doanh thu tàu du lịch	Tr.đồng	9.827	9.000	19.876	202,3%	220,8%
	+Doanh thu các dịch vụ khác		58.486	55.742	128.423	219,6%	230,4%
4.2	Doanh thu tài chính	Tr.đồng	2.136	0	1.533	71,8%	
4.3	Thu nhập khác	Tr.đồng	23	0	1	4,3%	
5	Tổng chi phí	Tr.đồng	236.971	275.933	353.280	149,1%	128,0%
5.1	Chi phí từ HĐ thương mại, dịch vụ,...	Tr.đồng	184.511	213.865	293.151	158,9%	137,1%
5.2	Chi phí QL kinh doanh	Tr.đồng	35.957	43.224	45.930	127,7%	106,3%
5.3	Chi phí tài chính	Tr.đồng	18.993	18.844	14.099	74,2%	74,8%
5.4	Chi phí khác	Tr.đồng	35	0	100	285,7%	
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	-7.388	467	28.491	-385,6%	6100,9%
7	Nộp NSNN	Tr.đồng	913	500	3.863	423,1%	772,6%
8	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/tháng	11,33	11,99	15,08	133,1%	125,8%
9	Tổng số lao động	Người	321	337	337	105,0%	100,0%

*** Về sản lượng khai thác Cảng**

- Sản lượng hàng hóa (hàng rời và hàng khác) thông qua Cảng đạt 5.394.231 tấn, tăng 36,3% so với cùng kỳ năm 2023 (3.956.537 tấn), đạt 114,8% kế hoạch năm 2024. Sản lượng hàng rời, hàng khác tăng 36,3% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó tăng trưởng mạnh ở hàng dăm gỗ (tăng 85,7%), than (tăng 24,3%), hàng clinker (tăng 32,5%), đặc biệt quặng tăng 231,1%...riêng mặt hàng cát giảm 22,3%. Chiếm tỷ trọng lớn nhất là dăm gỗ 37,8%, tiếp đến là hàng than 36,3%, cát 10,7%, clinker 6,4% và quặng 5,6%; titan và dầu cọ không có sản lượng thông qua Cảng. Sản lượng container đạt sản lượng 8.395 TEUs (Năm 2023 đạt 7.385 TEUs).

- Tổng số lượt tàu ra vào cảng đạt 701 lượt tàu, so với cùng kỳ năm 2023 tăng 14,2% (năm 2023 đạt 614 lượt tàu). Trong đó, tàu nội chiếm 71%, tàu ngoại chiếm 29%. Tàu hàng đạt 595 lượt, tàu container đạt 66 lượt và tàu du lịch đạt 40 lượt.

- Tổng số hành khách và thuyền viên qua Cảng đạt 90.960 lượt, tăng 76,6% so với năm 2023 (51.512 lượt).

*** Về kết quả tài chính**

- Tổng doanh thu năm 2024 đạt 384.742 triệu đồng (trong đó doanh thu các dịch vụ đạt 383.208 triệu đồng, doanh thu tài chính đạt 1.533 triệu đồng), tăng 67,6% so với cùng kỳ năm 2023 (229.583 triệu đồng), đạt 139,2% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 28.491 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 25.560 triệu đồng. (Kế hoạch lợi nhuận trước thuế 2024: 467 triệu đồng).

- Nộp ngân sách đạt 3.863 triệu đồng, đạt 772,6% kế hoạch (500 triệu đồng), bằng 423,1% so với cùng kỳ năm 2023 (913 triệu đồng).

Năm 2024, Công ty kinh doanh có lãi trở lại sau 2 năm lỗ với lợi nhuận trước thuế đạt 28.491 triệu đồng. Các dịch vụ hiệu quả kinh tế cao phải kể đến là dịch vụ xếp dỡ dăm gỗ, xếp dỡ than, dịch vụ cầu bến, dịch vụ tàu du lịch. Ngoài ra, dịch vụ lai dắt, dịch vụ gia tăng tại bãi và cung ứng xăng dầu tăng trưởng mạnh và ổn định đã góp phần vào kết quả trên.

2.2. Tình hình xúc tiến thị trường

Năm 2024, Công ty đã nỗ lực thu hút các nguồn hàng mới, đồng thời nghiên cứu điều chỉnh đơn giá hợp lý nhằm đem lại các nguồn lợi đáng kể cho Công ty. Bằng việc chú trọng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các khách hàng, kết quả Công ty Nguyên liệu giấy Quảng Trị và Nguyễn Tuấn Hoàng đã xuất hơn 400.000 tấn hàng dăm gỗ qua Cảng và dự kiến tăng cường hơn nữa sản lượng trong năm 2025 (xuất ổn định 2 chuyến tàu/tháng); Công ty MDF Quảng Trị sau quá trình dài khảo sát và trao đổi thông tin đã thực hiện xuất lô hàng thử nghiệm đầu tiên vào tháng 9/2024, bước đầu đánh giá ổn đối với dịch vụ cảng và dự

kiến sẽ xuất hàng đều đặn vào năm 2025. Ngoài ra, một số khách hàng đang nghiên cứu đánh giá để xem xét xuất nhập các loại hàng qua Cảng.

Một số khách hàng than và hàng quặng có nguồn gốc từ Lào sau thời gian tìm hiểu đã đặt vấn đề sử dụng dịch vụ lưu bãi và xuất nhập hàng hóa qua Cảng Chân Mây tuy nhiên do thiếu diện tích bãi nên Cảng không thể tiếp nhận các nguồn hàng này. Công ty tận dụng các diện tích hiện có đồng thời, nghiên cứu các giải pháp về hợp tác đầu tư nhà kho và bãi hàng, làm việc với các đối tác; đồng thời nhằm cải thiện tình hình thiếu kho bãi hiện nay. Đối với các mặt hàng này, Công ty luôn yêu cầu các chủ hàng thực hiện che đậy bạt đảm bảo quy định môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ, không để ảnh hưởng đến uy tín và công tác sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

Về dịch vụ xếp dỡ container, Công ty thuyết phục thành công và chính thức ký kết hợp đồng với 2 Hãng tàu quốc tế lớn là CMA và SITC mở tuyến tại Chân Mây và 2 Hãng tàu nội là Thilogi và Gemadept. Các Hãng tàu đánh giá cao công tác phục vụ và cung cấp dịch vụ, mặc dù năng suất xếp dỡ và cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu. Hỗ trợ kết nối các Hãng tàu và Doanh nghiệp triển khai xuất khẩu một số lô hàng container qua Chân Mây với nhiều mặt hàng xuất khẩu đi nhiều thị trường khác nhau. Các Hãng tàu đánh giá cao công tác phục vụ và cung cấp dịch vụ, mặc dù năng suất xếp dỡ và cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu. Một số Doanh nghiệp lớn đã quan tâm và bắt đầu triển khai xuất hàng container thành công qua Cảng Chân Mây, góp phần tạo hiệu ứng, lan tỏa đến cộng đồng các doanh nghiệp trên địa bàn. Triển khai tiếp nhận, xếp dỡ an toàn các container hàng quá khổ, quá tải, container lạnh, container chứa hàng nguy hiểm, đáp ứng nhu cầu nhập khẩu một số mặt hàng đặc biệt của Khách hàng

CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH BẾN 1 VÀ BẾN 2

Kết quả kinh doanh Năm 2024	ĐVT	Tổng 2 bến	Bến số 1	Bến số 2
I. Sản lượng				
1. Hàng rời	Tấn	5.394.231	3.422.271	1.971.960
2. Hàng container	TEUs	8.395		8.395
II. Tổng doanh thu	Tr.đồng	384.742	305.793	78.950
1. Doanh thu hàng rời, hàng khác	Tr.đồng	223.620	155.960	67.660
2. Doanh thu tàu container	Tr.đồng	11.289	0	11.289
3. Doanh thu tàu du lịch	Tr.đồng	19.876	19.876	0
4. Doanh thu dịch vụ khác	Tr.đồng	128.423	128.423	0
5. Doanh thu tài chính	Tr.đồng	1.533	1.533	0
6. Thu nhập khác	Tr.đồng	1	1	0

Kết quả kinh doanh Năm 2024	ĐVT	Tổng 2 bên	Bến số 1	Bến số 2
III. Tổng chi phí	Tr.đồng	353.280	256.116	100.135
1. Chi phí hoạt động sxkd	Tr.đồng	293.151	221.785	71.366
2. Chi phí QLDN	Tr.đồng	48.901	34.231	14.670
3. Chi phí tài chính (lãi vay)	Tr.đồng	14.099	0	14.099
4. Chi phí khác	Tr.đồng	100	100	0
IV. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	28.491	49.059	(20.568)

2.3. Kết quả thực hiện các công tác khác

2.3.1 Về thực hiện chế độ cho người lao động

Tổng số lao động trong năm 2024 là 346 (kể cả 9 viên chức quản lý Công ty), trong đó có 62 lao động nữ; lao động trực tiếp 258 người, lao động gián tiếp & phụ trợ 43 người, lao động quản lý cấp trung 45 người. Thu nhập bình quân của người lao động đạt 17,08 triệu đồng/người/tháng;

Công ty đã thực hiện đóng đầy đủ các khoản BHXH, BHYT và BHTN cho 339 CB-CNV (kể cả 9 viên chức quản lý) với tổng số tiền 8.981 triệu đồng; tổ chức mua Bảo hiểm con người kết hợp và Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho toàn thể CB-CNV. Đồng thời, hoàn tất thủ tục và thanh toán các chế độ cho người lao động (chi giải quyết chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức: 131.261.600 triệu đồng cho 39 trường hợp). BH Chăm sóc sức khỏe chi trả bồi thường 160 triệu đồng cho 28 trường hợp. Ngoài ra, Công ty thực hiện chi 880 triệu đồng bồi dưỡng bằng hiện vật cho 243 lao động thuộc công việc nguy hiểm, nặng nhọc, độc hại.

Về công tác đào tạo và huấn luyện, Công ty đã tổ chức cho 591 lượt lao động tham gia các khóa đào tạo và huấn luyện với tổng kinh phí 161 triệu đồng.

2.3.2 Tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng

Năm 2024, Công ty đã và đang triển khai, thực hiện đầu tư một số dự án theo đúng quy trình, quy định hiện hành. Cụ thể như sau:

a. Các dự án, hạng mục phê duyệt tại Quyết định số 394/QĐ-CNT ngày 22/12/2023 của TCT về việc phê duyệt KHSXKD, KHĐT năm 2024

* Dự án chuyển tiếp

- Dự án xây dựng Bến số 02 - Cảng Chân Mây (Giai đoạn hoàn thiện): đã trình thẩm định thiết kế bản vẽ thi công giai đoạn hoàn thiện. Đơn vị tư vấn đang Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Lập hồ sơ xin cấp giấy phép nhận chìm, giao khu vực biển đồ chất nạo vét Bến số 2 và điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư. Thời gian hoàn thành dự án dự kiến vào Quý IV/2026.

- *Nạo vét điều chỉnh luồng, vũng quay tàu của Bến 120m*: thực hiện Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường bến số 1, Lập hồ sơ xin cấp giấy phép nhận chìm, Giao khu vực biển đổ chất nạo vét để thực hiện nạo vét.

- *Sửa chữa, bảo trì Bến số 1 – Cảng Chân Mây*: Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng ngày 28/8/2024.

- *Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1*: Để thực hiện nạo vét cần thực hiện lại hồ sơ môi trường (lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập hồ sơ giao khu vực biển, hồ sơ nhận chìm vật chất nạo vét). Dự kiến hồ sơ môi trường hoàn thành vào quý I/2025, triển khai thi công quý II/2025, hoàn thành trong quý III/2025.

- *Thiết lập khu neo chuyển tải hàng tổng hợp, hàng rời cho tàu có tải trọng đến 200.000DWT tại Vịnh Chân Mây*: đã có Quyết định số 1051/QĐ-CHHVN về việc công bố mở khu chuyển tải tại vịnh Chân Mây để tiếp nhận tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài vào, rời neo đậu, chuyển tải.

- *Kiểm định nâng cấp Bến số 2 – Cảng Chân Mây được tiếp nhận tàu hàng có trọng tải đến 70.000 tấn*: Ký hợp đồng tư vấn lập hồ sơ kiểm định ngày 19/8/2024, hiện chờ kết quả thẩm định của Cục quản lý đầu tư xây dựng.

- *Sửa chữa Bến số 1 – Cảng Chân Mây năm 2023*: Do ảnh hưởng của thời tiết mưa và thủy triều lên xuống nên gia hạn thời gian thi công đến ngày 28/02/2025.

- *Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp Bến số 1*: đang vận hành chạy thử.

- *Lắp đặt hệ thống PCCC kho bãi mở rộng Bến số 1 – Cảng Chân Mây*: đã có thẩm duyệt thiết kế PCCC của Phòng cảnh sát PCCC & CNCH số 87/TĐ-PCCC ngày 4/10/2024, dự kiến hoàn thành quý II/2025.

* Dự án mới năm 2024

Các hạng mục đầu tư xây dựng mới năm 2024 được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 01/7/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Chân Mây về việc thông qua chủ trương đầu tư, mua sắm một số hạng mục cấp thiết phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây, tình hình thực hiện cụ thể:

- *Lập hồ sơ môi trường Bến số 1 – Cảng Chân Mây (Bao gồm Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép nhận chìm, Giao khu vực biển đổ đất nạo vét, Phí môi trường đổ nạo vét Bến số 1)*: đã thẩm tra dự toán, đang trình thẩm định giá các loại vật liệu xây dựng, phân tích mẫu môi trường và dự kiến sẽ hoàn thành trong quý II/2025.

- *Hàng rào nhà kho 7000m²*: đã hoàn thành.

- *Mua sắm xe nâng 10 tấn*: đã hoàn thành.

- *Cải tạo nâng cấp tang cáp điện đầu cần cầu Gottwald HMK 170E:* Dự kiến nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng Quý I/2025.

- *Mua sắm cáp tải cần cầu Gottwald HMK 170E:* đã hoàn thành.

- *Mua sắm đệm tựa tàu 1300H:* đã hoàn thành.

- *Bổ sung công năng cho Bến số 2 để đón tàu khách du lịch:* Chuyển sang kế hoạch đầu tư 2025.

- *Bổ sung công năng cho Bến số 1 để đón tàu hàng container:* Cục Hàng hải Việt Nam ra quyết định số 1549/QĐ-CHHVN ngày 15/10/2024 bổ sung Quyết định số 949/QĐ-CHHVN ngày 16/11/2005 với nội dung Tuyển mép bên phía biển được tiếp nhận tàu chở hàng container có trọng tải đến 45.000DWT giảm tải với mưon nước tối đa $\leq 10,0\text{m}$.

b. Tình hình giải ngân dự án

Các dự án, hạng mục được phê duyệt tại Quyết định số 394/QĐ-CNT ngày 22/12/2023 của TCT về việc phê duyệt KHSXKD, KHĐT năm 2024:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên dự án/BCKTKT đầu tư xây dựng (Xây dựng, Mua sắm trang thiết bị, Sửa chữa)	Kế hoạch năm 2024		Thực hiện năm 2024		Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	
Tổng cộng(A+B+C+D)		302.108		21.811,9	21.533,1	
A	Các dự án nhóm A					
B	Các dự án nhóm B	244.816		38,5	702,6	
1	Đầu tư xây dựng Bến số 2 - giai đoạn hoàn thiện	244.816	Liên kết đầu tư	38,5	702,6	tiếp tục thực hiện trong 2025
C	Dự án nhóm C	7.050		4.455	4.409,5	
1	Mua sắm xe nâng 10 tấn	2.200	Quỹ đầu tư phát triển	1.108	1.100	Hoàn thành
2	Cải tạo nâng cấp hệ thống tang cáp điện đầu cần cầu Gottwald HMK 170E	900	Quỹ đầu tư phát triển	20,5	9,5	tiếp tục trong 2025
3	Mua sắm cáp tải cần cầu Gottwald HMK 170E	950	Vốn tự có	836	825	Hoàn thành
4	Mua sắm đệm tựa tàu 1300H	3.000	Vốn tự có	2.490	2.475	Hoàn thành
D	Các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	50.242		17.318,8	16.421	
1	Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vũng quay tàu của bến trong (bến 120m)	3.826	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	chuyển tiếp thực hiện 2025

Stt	Tên dự án/BCKTKT đầu tư xây dựng (Xây dựng, Mua sắm trang thiết bị, Sửa chữa)	Kế hoạch năm 2024		Thực hiện năm 2024		Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	
2	Sửa chữa, bảo trì Bến số 1 – Cảng Chân Mây	8.114	Chi phí SXKD	7.445,8	6.245,7	Hoàn thành
3	Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 - Cảng Chân Mây	8.640	Chi phí SXKD	-	-	chuyển tiếp thực hiện 2025
4	Thiết lập khu neo chuyển tải hàng tổng hợp, hàng rời cho tàu có trọng tải đến 200.000DWT tại Vịnh C.Mây	3.500	Liên kết đầu tư	-	-	QĐ công bố 1051/QĐ-CHHVN ngày 23/7/2024
5	Kiểm định nâng cấp Bến số 2 - được tiếp nhận tàu hàng có trọng tải đến 70.000 DWT	550	Quỹ đầu tư phát triển	-	132	Đang nộp hồ sơ tại Cục QLXD
6	Sửa chữa Bến số 1 - Cảng Chân Mây (hạng mục Sửa chữa hệ dầm, bản mặt sàn và bảo vệ đầu cọc năm 2023)	10.000	Quỹ đầu tư phát triển	6.320,6	7.569	
7	Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp Bến số 1-Cảng Chân Mây	3.500	Quỹ đầu tư phát triển	2.756,5	1.739	Hoàn thành
8	Lắp đặt hệ thống PCCC kho bãi mở rộng Bến số 1	4.112	Quỹ đầu tư phát triển	181	181	chuyển tiếp thực hiện 2025
9	Lập hồ sơ môi trường Bến số 1 - Cảng Chân Mây	6.200	Vốn tự có	-	-	chuyển tiếp thực hiện 2025
10	Hàng rào nhà kho 7000m ²	1.200	Quỹ đầu tư phát triển	614,9	554,3	Hoàn thành
11	Bổ sung công năng cho Bến số 2 để đón tàu khách du lịch	300	Vốn tự có			chuyển tiếp thực hiện 2025
12	Bổ sung công năng cho Bến số 1 để đón tàu hàng container	300	Vốn tự có			Hoàn thành

b. Các hạng mục khác phục vụ SXKD năm 2024 (không thuộc QĐ số 394/QĐ-CNT ngày 22/12/203 về việc phê duyệt KHSXKD, KHĐT năm 2024):

- Chỉnh trang hạ tầng dọc hàng rào Bến số 1: đã hoàn thành.
- Sửa chữa cổng ra vào nhà kho 7000m²: đã hoàn thành.
- Sửa chữa đường ra cảng đoạn tiếp giáp cầu dẫn Bến số 2: đã hoàn thành.
- Sửa chữa bê tông nhựa mặt đường nội bộ trong cảng Bến số 1 - Cảng Chân Mây: đã hoàn thành.
- Sửa chữa mở rộng bãi chứa hàng Sông Hồng: đã hoàn thành.

- Hệ thống mương dọc hàng rào Bến số 1: đã hoàn thành.
- Sửa chữa sảnh mặt tiền Hội trường nhà ăn ca: đã hoàn thành.
- Sửa chữa mặt đường trước trạm cân Bến số 1, lối vào đường NB1; chỉnh trang vỉa hè trước cổng công ty, vỉa hè từ lối vào đường NB1 đến nút giao với đường vào Bến số 2: hoàn thành.
- Lập hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển, giao khu vực biển Bến số 1 và Bến số 2 - Cảng Chân Mây: phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 09/QĐ-CM ngày 15/01/2024, hiện đang nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Sửa chữa nền bãi bê tông khu vực Nhà kho 2500m²: hoàn thành.
- Khảo sát đánh giá hiện trạng kết cấu hạ tầng Bến số 1 phục vụ kiểm định nâng cấp tiếp nhận tàu có trọng tải đến 70.000 tấn: đã hoàn thành.
- Cải tạo nâng nền Nhà kho 2500m² (phần nền cũ tận dụng): đang thẩm tra thiết kế và dự toán, dự kiến hoàn thành năm 2024.
- Lập báo cáo phương án bổ sung 01 cần trục đa năng 100T phục vụ bốc xếp hàng hóa trên bến của Cảng Chân Mây: phê duyệt chủ trương tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT ngày 30/5/2024, tư vấn đang lập báo cáo phương án thuê cầu.
- Kiểm định nâng cấp Bến số 1 tiếp nhận tàu 70.000 DWT: Cục Quản lý đầu tư xây dựng có văn bản số 1580/CQLXD-CCPN yêu cầu bổ sung hồ sơ đánh giá hiện trạng kết cấu hạ tầng cầu cảng số 1, đã nộp hồ sơ, đang chờ kết quả thẩm định.
- Đăng ký môi trường Bến số 1, Bến số 2: đã hoàn thành đăng ký, đang nghiệm thu thanh toán.

2.3.3 Công tác tài chính, tổ chức hành chính

Về công tác thường xuyên hàng năm, Công ty hoàn tất đầy đủ, đúng qui định các công tác kiểm kê tài sản, công tác kiểm toán độc lập, phát hành Báo cáo tài chính năm 2023, Báo cáo kế toán quản trị năm 2023, Báo cáo tài chính Quý I, Quý II, Quý III và Quý IV... Công ty chú trọng công tác theo dõi, thu hồi công nợ đối với khách hàng nợ quá hạn, đảm bảo dòng tiền.

Hoàn thành hồ sơ và tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2024 ngày 26/1/2024. Hoàn thành hồ sơ phục vụ Đại hội đồng cổ đông năm 2024 tổ chức ngày 11/4/2024. Hoàn thành hồ sơ An ninh cảng biển hàng năm, hồ sơ bổ sung đánh giá ANCB khu neo chuyển tải. Hoàn thành thủ tục điều chỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 11. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV,...

2.3.4 Công tác an ninh cảng biển - kiểm soát tải trọng

Công tác kiểm soát tải trọng tại Cảng Chân Mây trong năm 2024 được thực hiện tốt, đảm bảo kiểm soát 100% phương tiện làm hàng tại Cảng. Không có trường hợp nào vi phạm tải trọng trong phạm vi khu vực cảng. Năm 2024, Công

ty đã giám sát hơn 210.023 lượt xe ra vào Cảng làm hàng với tổng khối lượng hàng qua cân 4.233.981 tấn. Công ty luôn chủ động phối kết hợp với các lực lượng chuyên ngành như Cảng vụ Hàng hải, Thanh tra Giao thông Thành phố Huế để thực hiện tốt công tác kiểm soát tải trọng.

Trong năm 2024, Công ty cổ phần Cảng Chân Mây chú trọng duy trì công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm liên quan đến an ninh, trật tự tại cảng. Công tác bảo đảm an ninh trật tự tại Cảng Chân Mây đã được triển khai đồng bộ và hiệu quả, góp phần tạo môi trường làm việc an toàn, ổn định cho các hoạt động tại Cảng. Công tác quản lý an ninh trật tự được Đội An ninh thường xuyên theo dõi, kết hợp công tác tuần tra, giám sát qua hệ thống camera.

- Phương tiện ra vào làm hàng được phân luồng, điều phối hợp lý không để ách tắc giao thông, Qua kiểm tra kiểm soát, số lượng xe ra, vào làm hàng trong năm là: 80.062 lượt xe; số lượng người ra, vào cảng 134.621 lượt người (tính đến tháng 11/2024). Thực hiện thủ tục ký bản cam kết An ninh cảng biển theo quy định của Cục hàng hải Việt Nam với 193 lượt tàu ngoại.

- Về công tác PCCC, Công ty thực hiện tốt công tác PCCC, thường xuyên kiểm tra công cụ PCCC, những điểm có nguy cơ tiềm ẩn về PCCC kịp thời đề xuất kiến nghị những vấn đề không đảm bảo an toàn về PCCC. Tổ chức và tham gia diễn tập, tập huấn về công tác PCCC & CNCH, đến nay chưa xảy ra vụ việc hay sự cố liên quan đến cháy nổ.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Với mục tiêu nâng cao tính cạnh tranh trong ngành cảng biển; tiếp tục phát triển dịch vụ xếp dỡ container đảm bảo tăng trưởng về sản lượng và doanh thu; Nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ xếp dỡ theo tiêu chuẩn và yêu cầu của khách hàng; Đảm bảo việc làm, thu nhập cho lao động hiện có của Công ty, giải quyết kịp thời các chế độ cho người lao động, Công ty cổ phần Cảng Chân Mây xây dựng kế hoạch hoạt động và các chỉ tiêu năm 2025 như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025
1	Sản lượng hàng		
1.1	Hàng rời	tấn	5.600.000
1.2	Hàng container	TEUs	11.080
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	386.200
2.1	Doanh thu từ hàng rời	Tr.đồng	218.900
2.2	Doanh thu container	Tr.đồng	16.318

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025
2.3	Doanh thu từ tàu du lịch	Tr.đồng	21.000
2.4	Doanh thu dịch vụ khác	Tr.đồng	128.782
2.5	Doanh thu tài chính	Tr.đồng	1.200
4	Tổng chi phí	Tr.đồng	360.849
4.1	CP hoạt động SXKD,TMDV	Tr.đồng	299.973
4.2	Chi phí QLDN	Tr.đồng	49.850
4.3	Chi phí Tài chính	Tr.đồng	11.026
4.4	Chi phí khác	Tr.đồng	0
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	25.351
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	20.281
7	Nộp ngân sách	Tr.đồng	8.360
8	Lương bình quân	Tr.đ/ng/tháng	14,566
9	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/tháng	16,566
10	Tổng số lao động	Người	347

Trong đó, kế hoạch khai thác Bến số 1 và Bến số 2 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Kế hoạch từng bến	
				Bến số 1	Bến số 2
1	Sản lượng hàng				
1.1	Hàng rời	tấn	5.600	3.100	2.500
1.2	Hàng container	TEU	11.080	0	11.080
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	386.200	273.140	113.060
2.1	Doanh thu hàng rời	Tr.đồng	218.900	116.719	102.181
2.2	Doanh thu container	Tr.đồng	16.318	5.439	10.879
2.3	Doanh thu tàu du lịch	Tr.đồng	21.000	21.000	0
2.4	Doanh thu dịch vụ khác	Tr.đồng	128.782	128.782	0
2.5	Doanh thu tài chính	Tr.đồng	1.200	1.200	0
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	360.849	250.826	110.023
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	25.351	22.314	3.037

Kế hoạch khai thác các mặt hàng trong năm 2025 dự kiến tăng trưởng 3,7% sản lượng, trong đó chủ yếu tập trung ở hàng than và hàng quặng. Các mặt hàng khác dự kiến khai thác ở mức tương đương năm 2024.

Sản lượng container xuất nhập qua Cảng năm 2025 dự kiến đạt 11.080 TEU, tương ứng doanh thu 16.318 triệu đồng (tăng 44,2% so với dự kiến năm 2024). Doanh thu dịch vụ cung ứng xăng dầu dự kiến tăng 4,4% nhờ vào sự tăng trưởng của sản lượng hàng hóa (do phương tiện tàu và xe vào cảng tăng), dịch vụ đón tàu khách tăng 2,6%. Doanh thu kho bãi 2025 kế hoạch đạt tương đương năm 2024 do diện tích kho và bãi dự kiến không tăng.

Năm 2025, Công ty tiếp tục hoàn thiện thủ tục kiểm định nâng cấp Bến số 2 đạt được tiếp nhận tàu hàng có trọng tải đến 70.000 DWT, bổ sung công năng đón tàu du lịch cho Bến số 2 nhằm nâng cao tính linh hoạt trong bố trí cầu bến và hiệu quả khai thác Cảng. Đồng thời, tiếp tục xúc tiến các dự án hợp tác đầu tư, tận dụng tiềm năng của các đối tác vào mục tiêu nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Cảng. Đưa vào khai thác vùng chuyển tải cho tàu đến 200.000 DWT tại khu vực vịnh Chân Mây.

Năm 2025, Công ty dự kiến phải trả 11.026 triệu đồng chi phí lãi vay dựa trên số dư gốc, lãi suất và thỏa thuận hợp đồng. Bên cạnh đó, các chi phí duy tu, sửa chữa Bến số 1 và các thiết bị xếp dỡ tăng cao do các tài sản này đưa vào sử dụng thời gian đã lâu. Đây là các khoản chi phí lớn sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2025. Mức doanh thu kế hoạch năm 2025 đạt 386.200 triệu đồng (tương đương mức sản lượng bốc xếp 5.600.000 tấn hàng tổng hợp và 11.080 TEU container) sẽ vượt mức doanh thu hòa vốn dẫn đến kết quả dự kiến Công ty đạt 25.351 triệu đồng lợi nhuận trước thuế.

Vì vậy, Công ty có kế hoạch tiếp tục thực hiện các giải pháp để tiết giảm chi phí hoạt động, chú trọng tiết giảm chi phí quản lý bao gồm chi phí xăng xe, chi phí tiếp khách, công tác phí,... Quản lý chặt chẽ, vật tư, nguyên liệu đầu vào, có kế hoạch mua sắm vật tư trang thiết bị hợp lý tránh tồn đọng, hư hỏng. Siết chặt các định mức tiêu hao nhiên liệu, tiết kiệm vật tư trong quá trình sửa chữa thiết bị, ngưng toàn bộ công tác sửa chữa không cần thiết.

2. Kế hoạch khai thác hàng container

Trong năm 2025, dịch vụ container dự kiến xếp dỡ 11.080 TEUs và đạt 16.318 triệu đồng doanh thu, trong đó Cảng sẽ khai thác 04 hãng tàu ngoại, trung bình tiếp nhận xếp dỡ 08 lượt tàu/tháng với lưu lượng container xuất nhập hàng tháng gần 1.000 TEUs. Cảng Chân Mây sẽ triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo nâng cao năng lực khai thác hàng container trong thời gian tới, cụ thể:

- Nghiên cứu nâng cấp trang thiết bị để cải thiện năng suất và đảm bảo an

toàn trong quá trình làm hàng container, đáp ứng các tiêu chí của hãng tàu. Năng suất cam kết cần đạt được tối thiểu ít nhất 10 moves/giờ/cầu. Bổ sung một số thiết bị chuyên dụng để xếp dỡ container hàng siêu trường siêu trọng. Nghiên cứu đầu tư, mở rộng thêm kho bãi.

- Bám sát, theo dõi tình hình thị trường hàng nội địa. Tìm kiếm các khách hàng mới nhằm đa dạng hóa nguồn hàng nội địa xuất nhập qua Cảng. Tiếp tục trao đổi kết nối với các hãng tàu, các doanh nghiệp. Tiếp tục làm việc, trao đổi với Hãng tàu Hải An để khai thác lại tuyến container nội địa tại Chân Mây.

- Tìm kiếm các doanh nghiệp có hàng container cùng tuyến với RCL, CMA, SITC để hỗ trợ hãng tàu sales hàng xuất. Làm việc, kết nối với các doanh nghiệp Frit để kết nối nguồn hàng. Làm việc với hãng tàu GLS, Vietsun, Thilogi... để mở tuyến nội địa, hoặc trung chuyển hàng xuất, nhập khẩu tuyến [Hải Phòng↔Chân Mây (Huế)↔TP. Hồ Chí Minh (Cát Lái, Cái Mép)]. Thuyết phục hãng tàu MSC khi có công năng đón tàu container của Bến số 1.

- Ký kết Hợp đồng mới cho năm 2025 với các hãng tàu, phối hợp với hãng tàu để đóng rút và xếp dỡ hàng của nhà máy giấy Sun Paper.

- Đề nghị Tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp trong lĩnh vực Logistics đầu tư, xây dựng các trung tâm logistics, cảng ICD, kho bãi, dịch vụ hậu cần để cùng với doanh nghiệp khai thác cảng thu hút các hãng tàu quốc tế được thuận lợi. Thuyết phục HĐND Tỉnh tiếp tục duy trì chính sách hỗ trợ cho Doanh nghiệp và Hãng tàu có hàng container qua Cảng Chân Mây năm 2026.

3. Kế hoạch lao động và tiền lương

Trên cơ sở số lao động thực tế năm 2024 và số lao động sẽ nghỉ chế độ trong năm 2025 (02 lao động nghỉ chế độ hưu trí) cũng như xét nhu cầu lao động của một số vị trí công việc và thay thế lao động nghỉ chế độ hưu trí. Kế hoạch lao động năm 2025 được Công ty xây dựng tăng 3% so với năm 2024, cụ thể như sau:

- Số lao động đầu kỳ: 337 người (chưa bao gồm Ban Tổng Giám đốc 06 người)
- Tổng số lao động tuyển mới: 12 người, trong đó:
 - + 07 công nhân xếp dỡ
 - + 03 công nhân vận hành xe nâng, xúc lật;
 - + 01 thợ máy tàu Chân Mây 02 (thay vị trí cán bộ nghỉ chế độ);
 - + 01 trường hợp dự phòng;
- Số lao động dự kiến nghỉ chế độ: 02 người;

- Số lao động cuối kỳ: 347 người (chưa bao gồm Ban Tổng Giám đốc).

- Kế hoạch đào tạo cho 350 lao động với tổng kinh phí 350 triệu đồng;

- Tổng quỹ lương: 61.702 triệu đồng;

- Mức lương bình quân dự kiến: 14,566 triệu đồng;

- Mức thu nhập bình quân: 16,566 triệu đồng;

Về công tác tiền lương, các chỉ tiêu kế hoạch về mức lương bình quân và thu nhập bình quân của người lao động được đặt ra trên cơ sở đảm bảo tiền lương, thu nhập và đời sống của người lao động.

4. Kế hoạch đầu tư

Về kế hoạch đầu tư năm 2025, Công ty tiếp tục đầu tư hoàn thiện công trình Bến số 2 - Giai đoạn 2 và các dự án chuyển tiếp khác từ năm 2024 chuyển sang. Ngoài ra, nhằm phục vụ cho các kế hoạch sản xuất kinh doanh cấp thiết, Công ty lập Kế hoạch đầu tư một số hạng mục mới trong năm 2025.

Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2025 là **122.800** triệu đồng, tổng giá trị giải ngân là **124.624** triệu đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự án	Kế hoạch đầu tư năm 2025		Nguồn vốn
		Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	
I	Các dự án, hạng mục chuyển tiếp từ năm 2024			
1	Đầu tư xây dựng Bến số 2 – Cảng Chân Mây – Giai đoạn hoàn thiện	70.000	70.000	<i>Liên kết đầu tư</i>
2	Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vững quay tàu của bến trong (bến 120m)	3.826	3.826	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>
3	Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 – Cảng Chân Mây	8.640	8.640	<i>Chi phí SXKD</i>
4	Lắp đặt hệ thống PCCC kho bãi mở rộng Bến số 1 - Cảng Chân Mây	1.234	2.878	
5	Lập hồ sơ môi trường Bến số 1 - Cảng Chân Mây (Bao gồm Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép nhận chìm, Giao khu vực biển đổ đất nạo vét, Phí môi trường đổ đất nạo vét Bến số 1 - Cảng Chân Mây	4.650	4.650	<i>Vốn tự có</i>
6	Cải tạo nâng cấp hệ thống tang cáp điện đầu cần cầu Gotwald HMK 170E	450	630	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>

TT	Dự án	Kế hoạch đầu tư năm 2025		Nguồn vốn
		Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	
7	Mua sắm đệm tựa tàu 1300H	3.000	3.000	Vốn tự có
8	Bổ sung công năng cho Bến số 2 để đón tàu du lịch	300	300	Vốn tự có
II	Các hạng mục đầu tư năm 2025			
1	Nâng cấp hệ thống PCCC Bến số 1 – Cảng Chân Mây	5.000	5.000	Vốn tự có
2	Sửa chữa bảo trì Bến số 1 năm 2025	20.000	20.000	Vốn tự có
3	Xây dựng trạm biến áp Bến số 1 phục vụ SXKD	3.300	3.300	Vốn tự có
4	Kiểm định định kỳ, đánh giá an toàn kết cấu hạ tầng cảng Bến số 1 - Cảng Chân Mây	1.000	1.000	Vốn tự có
5	Mua sắm xe hút bụi (Ôtô quét đường)	1.400	1.400	Vốn tự có
Tổng cộng:		122.800	124.624	

Tất cả các hạng mục trong Kế hoạch đầu tư năm 2025 nói trên đều thật sự cấp thiết cho các hoạt động dịch vụ nhằm mục tiêu thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025.

5. Giải pháp hoàn thành kế hoạch năm 2025

Để phân đầu hoàn thành kế hoạch năm 2025, Công ty cổ phần Cảng Chân Mây sẽ tập trung thực hiện các giải pháp sau:

5.1 Giải pháp xúc tiến thị trường

- Tiếp tục công tác nghiên cứu thị trường, nghiên cứu đối thủ để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh. Kết hợp với chiến lược truyền thông, quảng bá để thu hút khách hàng tiềm năng.

- Tăng cường liên doanh, liên kết để đẩy mạnh hệ thống logistics tại đây. Xúc tiến các hình thức hợp tác đầu tư hoặc ứng vốn từ khách hàng trên tinh thần hợp tác cùng có lợi.

- Tích cực thực hiện công tác chăm sóc khách hàng, nắm bắt các ý kiến, phản ánh về chất lượng dịch vụ để nâng cao năng lực. Đảm bảo duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng truyền thống. Hợp tác, trao đổi thông tin cùng các cơ quan chức năng, đề xuất quy chế phối hợp nhằm tháo gỡ các vướng mắc liên quan, kiểm soát tốt cũng như tạo điều kiện cho phương tiện vận chuyển hàng hóa qua Cảng.

5.2 Giải pháp tài chính

- Bên cạnh mục tiêu tìm kiếm nguồn hàng mới, tăng doanh thu, Công ty chú trọng duy trì khai thác tốt các dịch vụ, mặt hàng có hiệu quả kinh tế cao, tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu lớn.
- Tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý tài chính, quản lý công nợ, đẩy nhanh quy trình thanh toán, tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ, thực hiện tốt Quy trình quản lý công nợ và phân cấp trách nhiệm cụ thể trong việc quản lý nợ của Công ty.
- Tiết giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý. Quản lý chặt chẽ, vật tư, nguyên liệu đầu vào, có kế hoạch mua sắm vật tư trang thiết bị hợp lý tránh tồn đọng, hư hỏng. Siết chặt các định mức tiêu hao nhiên liệu, tiết kiệm vật tư trong quá trình sửa chữa thiết bị.

5.3 Giải pháp quản trị nhân lực

- Tiến hành nghiên cứu về các giải pháp tạo động lực làm việc cho người lao động, nâng cao năng suất, hiệu quả công việc. Nâng cao ý thức trách nhiệm, phát huy vai trò Trưởng các bộ phận, nêu cao tính kỷ luật trong điều hành sản xuất, cũng như quan tâm, chú trọng đời sống công nhân trực tiếp để luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra.
- Phát huy hơn nữa chính sách đào tạo, mang đến cho người lao động cơ hội phát triển bản thân. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ vận hành thiết bị xếp dỡ container, marketing dịch vụ, nghiệp vụ quản lý khai thác cảng rời, hàng container, nghiệp vụ logistics đảm bảo về nguồn nhân sự thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh 2025.

5.4 Giải pháp quản trị điều hành sản xuất

- Đảm bảo việc điều động tàu và bố trí thiết bị, nhân công hợp lý để nâng cao năng suất xếp dỡ hàng. Các hợp đồng có ràng buộc chặt chẽ về tiến độ, tránh tranh chấp khi không thực hiện cam kết đúng tiến độ.
- Tận dụng việc khai thác 2 bến giúp giảm thời gian chờ đợi và thiệt hại kinh tế cho chủ hàng, chủ tàu. Nghiên cứu phương án cải tiến trang thiết bị làm hàng container như: cải tiến gù bằng cụm cơ khí trượt định vị trên sàn xe trung chuyển, sửa chữa kịp thời thiết bị khi gặp sự cố, nâng cao kỹ năng tác nghiệp đối với công nhân lái cầu vinalift, công nhân xếp dỡ,... nhằm giải phóng tàu container đúng và vượt tiến độ.
- Sẵn sàng, cảnh giác để chủ động ứng phó với thời tiết xấu nhằm giảm thiểu các thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình cảng biển cũng như tàu bè ra vào Cảng Chân Mây.

- Về công tác sửa chữa các thiết bị, hạ tầng: Chủ động trong công tác sửa chữa đã góp phần đẩy nhanh tiến độ sản xuất. Bên cạnh các loại vật tư phục vụ sửa chữa được chọn lọc kĩ về chất lượng và đảm bảo giá cả hợp lí, hoàn thành đúng thời gian, ít ảnh hưởng đến quá trình làm hàng.

- Về công tác chuẩn bị vật tư dự phòng và thay thế: Thường xuyên cập nhật thời gian hoạt động thiết bị, chủ động trong công tác vệ sinh, bảo dưỡng định kỳ, đúng quy trình Công ty ban hành.

- Về công tác kiểm tra giám sát an toàn lao động: Thường xuyên duy trì, thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra các điều kiện an toàn của công cụ xếp dỡ; quy trình khai thác bến, quy trình bốc xếp hàng hóa, tổ chức bố trí nhân viên trực điện khi vận hành các băng tải dầm gỗ nhằm đảm bảo an toàn.

5.5 Giải pháp về đầu tư

- Tiếp tục triển khai các phương án đầu tư thực sự có hiệu quả, điều phối hài hòa các nguồn lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực giữa các dịch vụ nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, giảm áp lực về tài chính cho Công ty.

- Bổ sung công năng tiếp nhận tàu du lịch đối với Bến số 2. Đồng thời nâng cấp tiếp nhận tàu 70.000DWT đối với Bến số 2. Đưa vào khai thác khu neo chuyển tải 200.000DWT hiệu quả.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý dự án, đảm bảo dự án được triển khai đúng tiến độ, tiết giảm chi phí đầu tư. Tính hiệu quả của dự án phải được đặt lên hàng đầu.

- Bổ sung cần cẩu 100 tấn phục vụ làm hàng container và hàng rời tại Bến số 1 nhằm tăng năng lực xếp dỡ các loại hàng hóa.

Trên đây là Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, Công ty cổ phần Cảng Chân Mây kính báo cáo./.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT.HC.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CỘNG TY
CỔ PHẦN
CẢNG CHÂN MÂY

M.S.D.N: 33005157 - C.T.C.P
H. PH. LỘC - THÀNH PHỐ HUẾ

Huỳnh Văn Toàn

BÁO CÁO

Công tác quản lý, chỉ đạo và giám sát của Hội đồng Quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Năm 2024, mặc dù kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro do các cuộc xung đột địa chính trị, căng thẳng ở một số khu vực nhưng ngành kinh doanh cảng biển vẫn tăng trưởng tốt. Hàng hóa qua khu vực Cảng Chân Mây trong năm 2024 phát triển mạnh về khối lượng nhờ vào nhu cầu thị trường và sự tổ chức điều hành hợp lý các điều kiện hạ tầng cảng, trang thiết bị và nhân lực hiện có. Sản lượng hàng rời và hàng khác tăng 36,3% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó tăng trưởng mạnh ở hàng dăm gỗ (tăng 85,7%), than (tăng 24,3%), hàng clinker (tăng 32,5%), đặc biệt quặng tăng 231,1%...riêng mặt hàng cát giảm 22,3%. Chiếm tỷ trọng lớn nhất là dăm gỗ 37,8%, tiếp đến là hàng than 36,3%, cát 10,7%, clinker 6,4% và quặng 5,6%; titan và dầu cọ không có sản lượng thông qua Cảng.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024 đạt được cụ thể như sau:

1.1. Về sản lượng khai thác Cảng

- Sản lượng hàng hóa (hàng rời và hàng khác) thông qua Cảng đạt 5.394.231 tấn, tăng 36,3% so với cùng kỳ năm 2023 (3.956.537 tấn), đạt 114,8% kế hoạch năm 2024. Sản lượng container đạt sản lượng 8.395 TEUs (Năm 2023 đạt 7.385 TEUs).

- Tổng số lượt tàu ra vào cảng đạt 701 lượt tàu, so với cùng kỳ năm 2023 tăng 14,2% (năm 2023 đạt 614 lượt tàu). Trong đó, tàu hàng đạt 595 lượt, tàu container đạt 66 lượt và tàu du lịch đạt 40 lượt. Tàu nội chiếm 71%, tàu ngoại chiếm 29%.

- Tổng số hành khách và thuyền viên qua Cảng đạt 90.960 lượt, tăng 76,6% so với năm 2023 (51.512 lượt).

1.2. Về kết quả tài chính

- Tổng doanh thu năm 2024 đạt 384.742 triệu đồng (trong đó doanh thu các dịch vụ đạt 383.208 triệu đồng, doanh thu tài chính đạt 1.533 triệu đồng), tăng 67,6% so với cùng kỳ năm 2023 (229.583 triệu đồng), đạt 139,2% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 28.491 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 25.560 triệu đồng. (Kế hoạch lợi nhuận trước thuế 2024: 467 triệu đồng).

- Nộp ngân sách đạt 3.863 triệu đồng, đạt 7.726% kế hoạch (500 triệu đồng), bằng 4.231% so với cùng kỳ năm 2023 (913 triệu đồng).

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024,

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện các bước đầu tư theo nghị quyết đã phê duyệt, tình hình thực hiện cụ thể như sau:

Các dự án, hạng mục phê duyệt tại Quyết định số 394/QĐ-CNT ngày 22/12/2023 của TCT về việc phê duyệt KHSXKD, KHĐT năm 2024

a. Dự án chuyển tiếp

- *Dự án xây dựng Bến số 02 - Cảng Chân Mây (Giai đoạn hoàn thiện):*

+ Đã trình Bộ Giao thông vận tải thẩm định thiết kế bản vẽ thi công giai đoạn hoàn thiện.

+ Đánh giá tác động môi trường: đơn vị tư vấn đang Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, Lập hồ sơ xin cấp giấy phép nhận chìm, Giao khu vực biển đổ chất nạo vét Bến số 2.

+ Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (Thời gian hoàn thành dự án Quý IV năm 2026).

- *Nạo vét điều chỉnh luồng, vũng quay tàu của Bến trong (120m):*

Để thực hiện được nạo vét phải thực hiện Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường bến số 1, Lập hồ sơ xin cấp giấy phép nhận chìm, Giao khu vực biển đổ chất nạo vét.

- *Sửa chữa, bảo trì Bến số 1 – Cảng Chân Mây:* Hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 28/8/2024.

- *Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1:* Dự kiến triển khai thi công quý II/2025 và hoàn thành nạo vét duy tu trong quý III/2025.

- *Thiết lập khu neo chuyển tải hàng tổng hợp, hàng rời cho tàu có tải trọng đến 200.000DWT tại Vịnh Chân Mây:* Ngày 23/7/2024 Cục Hàng hải Việt Nam đã có Quyết định số 1051/QĐ-CHHVN về việc công bố mở khu chuyển tải tại Chân Mây, tỉnh Thừa Thiên Huế của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây để tiếp nhận tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài vào, rời neo đậu, chuyển tải.

- *Kiểm định nâng cấp Bến số 2 – Cảng Chân Mây được tiếp nhận tàu hàng có trọng tải đến 70.000 tấn:* Đã nộp hồ sơ tại Cục quản lý đầu tư xây dựng – Bộ giao thông và đang chờ kết quả thẩm định.

He

- *Sửa chữa Bến số 1 – Cảng Chân Mây năm 2023*: Do ảnh hưởng của thời tiết mưa và thủy triều lên xuống nên gia hạn thời gian thi công đến ngày 28/02/2025.

- *Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp Bến số 1*: đang vận hành chạy thử.

- *Lắp đặt hệ thống PCCC kho bãi mở rộng Bến số 1 – Cảng Chân Mây*: đã có thẩm duyệt thiết kế PCCC của phòng cảnh sát PCCC & CNCH số 87/TD-PCCC ngày 4/10/2024, dự kiến hoàn thành quý II năm 2025.

b. Dự án mới năm 2024

Các hạng mục đầu tư xây dựng mới năm 2024 được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 01/7/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Chân Mây về việc thông qua chủ trương đầu tư, mua sắm một số hạng mục cấp thiết phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây, tình hình thực hiện cụ thể:

- *Lập hồ sơ môi trường Bến số 1 – Cảng Chân Mây (Bao gồm Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép nhận chìm, Giao khu vực biển đổ đất nạo vét, Phí môi trường đổ nạo vét Bến số 1 – Cảng Chân Mây)*: đã thẩm tra dự toán, đang trình thẩm định giá các loại vật liệu xây dựng, phân tích mẫu môi trường và dự kiến sẽ hoàn thành trong quý II năm 2025.

- *Hàng rào nhà kho 7000m²*: đã hoàn thành.

- *Mua sắm xe nâng 10 tấn*: đã hoàn thành.

- *Cải tạo nâng cấp tang cáp điện đầu cần cần cầu Gottwald HMK 170E*: Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng Quý I/2025.

- *Mua sắm cáp tải cần cầu Gottwald HMK 170E*: đã hoàn thành.

- *Mua sắm đệm tựa tàu 1300H*: đã hoàn thành.

- *Bổ sung công năng cho Bến số 2 để đón tàu khách du lịch*: Chuyển sang kế hoạch đầu tư 2025.

- *Bổ sung công năng cho Bến số 1 để đón tàu hàng container*: Cục Hàng hải Việt Nam ra quyết định số 1549/QĐ-CHHVN ngày 15/10/2024 bổ sung Quyết định số 949/QĐ-CHHVN ngày 16/11/2005 với nội dung Tuyến mép bến phía biển được tiếp nhận tàu chở hàng container có trọng tải đến 45.000DWT giảm tải với mưón nước tối đa $\leq 10,0m$.

3. Tình hình giải ngân dự án 2024

Các dự án, hạng mục được phê duyệt tại Quyết định số 394/QĐ-CNT ngày 22/12/2023 của TCT về việc phê duyệt KHSXKD, KHĐT năm 2024:

05
01
05
16
06

hu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án/BCKTKT đầu tư xây dựng (Xây dựng, Mua sắm trang thiết bị, Sửa chữa)	Kế hoạch năm 2024		Thực hiện năm 2024		Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	
Tổng cộng(A+B+C+D)		302.108		21.811,9	21.533,1	
A	Các dự án nhóm A					
B	Các dự án nhóm B	244.816		38,5	702,6	
1	Đầu tư xây dựng Bến số 2 - giai đoạn hoàn thiện	244.816	Liên kết đầu tư	38,5	702,6	tiếp tục thực hiện trong năm 2025
C	Dự án nhóm C	7.050		4.455	4.409,5	
1	Mua sắm xe nâng 10 tấn	2.200	Quỹ đầu tư phát triển	1.108	1.100	Hoàn thành
2	Cải tạo nâng cấp hệ thống tang cáp điện đầu cần cầu Gottwald HMK 170E	900	Quỹ đầu tư phát triển	20,5	9,5	tiếp tục trong năm 2025
3	Mua sắm cáp tải cần cầu Gottwald HMK 170E	950	Vốn tự có	836	825	Hoàn thành
4	Mua sắm đệm tựa tàu 1300H	3.000	Vốn tự có	2.490	2.475	Hoàn thành
D	Các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	50.242		17.318,8	16.421	
1	Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vũng quay tàu của bến trong (bến 120m)	3.826	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	chuyển tiếp thực hiện 2025
2	Sửa chữa, bảo trì Bến số 1 – Cảng Chân Mây	8.114	Chi phí SXKD	7.445,8	6.245,7	Hoàn thành
3	Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 - Cảng Chân Mây	8.640	Chi phí SXKD	-	-	chuyển tiếp thực hiện 2025
4	Thiết lập khu neo chuyển tải hàng tổng hợp, hàng rời cho tàu có trọng tải đến 200.000DWT tại Vịnh C.Mây	3.500	Liên kết đầu tư	-	-	QĐ công bố mở khu chuyển tải 1051/QĐ-CHHVN
5	Kiểm định nâng cấp Bến số 2 - được tiếp nhận tàu hàng có trọng tải đến 70.000 DWT	550	Quỹ đầu tư phát triển	-	132	Đang nộp hồ sơ tại Cục QLXD

STT	Tên dự án/BCKTKT đầu tư xây dựng (Xây dựng, Mua sắm trang thiết bị, Sửa chữa)	Kế hoạch năm 2024		Thực hiện năm 2024		Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	
6	Sửa chữa Bến số 1 - Cảng Chân Mây (hạng mục Sửa chữa hệ dầm, bản mặt sàn và bảo vệ đầu cọc năm 2023)	10.000	Quỹ đầu tư phát triển	6.320,6	7.569	
7	Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp Bến số 1-Cảng Chân Mây	3.500	Quỹ đầu tư phát triển	2.756,5	1.739	Hoàn thành
8	Lắp đặt hệ thống PCCC kho bãi mở rộng Bến số 1	4.112	Quỹ đầu tư phát triển	181	181	chuyển tiếp thực hiện 2025
9	Lập hồ sơ môi trường Bến số 1 - Cảng Chân Mây	6.200	Vốn tự có	-	-	chuyển tiếp thực hiện 2025
10	Hàng rào nhà kho 7000m ²	1.200	Quỹ đầu tư phát triển	614,9	554,3	Hoàn thành
11	Bổ sung công năng cho Bến số 2 để đón tàu khách du lịch	300	Vốn tự có			chuyển tiếp thực hiện 2025
12	Bổ sung công năng cho Bến số 1 để đón tàu hàng container	300	Vốn tự có			Hoàn thành

4. Về phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và một số công tác khác

Trong năm 2024, Công ty cổ phần Cảng Chân Mây đã tiến hành thanh toán cổ tức năm 2020 đối với Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy với số tiền 7.466 triệu đồng.

Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 08/07/2024 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho BCTC bán niên và BCTC năm 2024, qua đó công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt làm đơn vị kiểm toán BCTC bán niên và BCTC năm 2024. Công ty kiểm toán này đảm bảo đầy đủ tư cách pháp nhân và phản ánh trung thực trong công tác kiểm toán tài chính của Công ty.

Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2024, Báo cáo tài chính bán niên năm 2024, báo cáo tài chính năm 2024 sau khi được kiểm toán, các Báo cáo tài chính quý I, quý II, quý III, quý IV năm 2024 và cùng với đó là một số thông tin định kỳ như: Báo cáo thường niên năm 2024 theo quy định của Ủy Ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

5. Về công tác quản trị công ty

Hội đồng quản trị hiện nay gồm 5 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị gồm: 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị, 01 thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật, 01 thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc và 02 thành viên HĐQT chuyên trách, bao gồm:

1. Ông Dương Bá Hòa - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty.
2. Ông Huỳnh Văn Toàn - Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Người đại diện theo Pháp luật của Công ty.
3. Ông Nguyễn Tiến Đạt - Chức vụ: Thành viên HĐQT Công ty.
4. Ông Trần Văn Phong - Chức vụ: Thành viên HĐQT Công ty.
5. Bà Hồ Hoàng Thi - Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Trong năm qua, các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án đề trình HĐQT; tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng chuyên môn công ty, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng chính sách giá, chiến lược sản xuất kinh doanh, kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm...; theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi đến HĐQT; trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

Hoạt động của thành viên HĐQT không điều hành: HĐQT có 02 thành viên HĐQT hoạt động chuyên trách, cơ bản đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của HĐQT, tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của HĐQT.

Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và không định kỳ trong năm 2024, tổ chức lấy ý kiến 30 biên bản, ban hành 36 Nghị quyết, 9 Quyết định, 05 Tờ trình và 6 các loại văn bản khác. Tổ chức rà soát các Quy chế, quy định của Công ty phù hợp với pháp Luật hiện hành.

Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp, các thành viên tham dự đầy đủ và có sự tham gia của đại diện Ban kiểm soát.

Các quyết định thông qua tại phiên họp đều thống nhất ý kiến của các thành viên tham dự và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản đúng theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và các quy định của Pháp luật liên

quan. Nội dung các phiên họp đều giải quyết những vấn đề quan trọng, kịp thời đáp ứng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Về cơ bản, HĐQT đã quyết định các chiến lược, chủ trương, cơ cấu giá dịch vụ và các giải pháp kinh tế, kỹ thuật phù hợp với chủ trương, chính sách của nhà nước và bối cảnh thị trường.

6. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người quản lý khác

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban điều hành được thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban điều hành đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của Pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, với tư cách là giám sát viên đại diện cho cổ đông, Hội đồng quản trị tiếp nhận ý kiến đóng góp và đề xuất của Ban Kiểm soát một cách cởi mở, từ đó cân nhắc trong các quyết định quản trị điều hành. Ban Tổng giám đốc Công ty đã kịp thời nắm bắt tình hình thị trường và trạng thái kinh doanh để báo cáo, xin ý kiến Hội đồng quản trị xem xét điều chỉnh, ra quyết định khi thị trường, hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bất thường. Hội đồng quản trị bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và kịp thời xem xét để xử lý các phát sinh ngoài kế hoạch cũng như quyết định những nội dung vượt phân cấp của Ban Tổng giám đốc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác, mở rộng thị trường tiếp tục được duy trì, các dự án đầu tư cấp thiết được ưu tiên triển khai trước để đảm bảo sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư tiềm năng trong tương lai được nghiên cứu, thảo luận và tham vấn ý kiến chuyên môn để đảm bảo đầu tư hiệu quả trên cơ sở cơ cấu lại nguồn vốn. Hội đồng quản trị Công ty tổ chức giám sát chặt chẽ quy trình đầu tư các dự án, đảm bảo việc đầu tư được thực hiện theo đúng định hướng phát triển của Công ty và quy định của pháp luật, thực hiện ban hành các quy chế, quy định để tăng cường công tác giám sát hoạt động điều hành đối với Ban Tổng giám đốc, chỉ đạo mở rộng các dịch vụ để tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu khách hàng, đổi mới công nghệ xếp dỡ, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp.

7. Tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị

Việc chi trả tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng), Trưởng ban kiểm soát công ty năm 2024 được chi trả căn cứ theo Quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và khoản 3 Điều 13 của Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 về Tiền lương của người quản lý

Trong 05 thành viên HĐQT. Trong đó: Chủ tịch HĐQT, 2 thành viên HĐQT chuyên trách không hưởng thù lao; 02 thành viên HĐQT kiêm nhiệm được hưởng thù lao 3.000.000 đồng/người/tháng.

II. CHƯƠNG TRÌNH KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2025

1. Các chỉ tiêu dự kiến kế hoạch năm 2025

a. Chỉ tiêu về sản lượng

- Tổng sản lượng hàng thông qua : 5.600.000 tấn;
- Sản lượng hàng container : 11.080 TEUs.

b. Chỉ tiêu về tài chính

- Tổng doanh thu : 386.200 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 25.351 triệu đồng;
- Nộp ngân sách : 8.360 triệu đồng.

c. Chỉ tiêu về lao động (tuyển dụng, lương, thu nhập)

- Tổng số lao động cuối kỳ : 347 người (chưa bao gồm Ban Tổng Giám đốc);

- Thu nhập bình quân người lao động : 16,566 triệu đồng/người/tháng;
- Lương bình quân người lao động : 14,566 triệu đồng/người/tháng;

d. Kế hoạch đầu tư năm 2025: Nội dung chi tiết được thể hiện tại Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc thông qua kế hoạch đầu tư năm 2025.

2. Hội đồng quản trị sẽ cùng Ban điều hành và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2025 với định hướng như sau:

2.1. Về khai thác Cảng

Phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông thông qua đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm; Có chính sách, kế hoạch chăm sóc các khách hàng hiện hữu để cạnh tranh với các cảng trong khu vực do tình hình kinh tế năm 2025 dự báo sẽ tiếp tục có nhiều khó khăn, biến động; Tiếp tục khai thác tối đa công suất tại Bến số 01 và Bến số 02. Đồng thời, lập các thủ tục nâng cấp Bến số 01 đón được tàu dầm gỗ 70.000DWT để linh hoạt trong hoạt động điều hành sản xuất.

2.2. Về công tác tài chính

Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro; đảm bảo hiệu quả định mức đang ban hành. Tiếp tục cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại công ty đáp ứng đúng yêu cầu của pháp luật hiện hành; Xây dựng kế hoạch

chuẩn bị phương án về nguồn vốn và phân kỳ đầu tư đối với các dự án đã được phê duyệt, bảo đảm cân đối dòng tiền, không tạo áp lực tài chính cho doanh nghiệp; Tăng cường thu hồi công nợ đảm bảo có dòng thu tiền ổn định để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh; Đảm bảo việc tuân thủ các quy định, hướng dẫn của pháp luật nhà nước trong công tác đầu tư mua sắm để không gây lãng phí, thất thoát tiền vốn khi triển khai các dự án đầu tư...; Thực hiện tiết giảm chi phí thông qua cải tiến, ứng dụng các phần mềm quản lý doanh nghiệp để đạt hiệu quả khai thác.

2.3. Về đầu tư xây dựng cơ bản, trang thiết bị

Tập trung đơn đốc và triển khai các dự án, hạng mục đã được Tổng Công ty phê duyệt theo đúng quy định pháp luật; Chú trọng khai thác tối đa các dự án liên danh liên kết nhằm phát huy hiệu quả. Bám sát các chủ trương, chính sách của Thành phố Huế để kết nối thu hút nguồn hàng khoáng sản từ nước bạn Lào; đẩy nhanh tiến độ các dự án của Công ty để đưa vào khai thác có hiệu quả các hạ tầng và thiết bị của Công ty.

2.4. Về công tác chính sách hàng container

Nghiên cứu, triển khai hiệu quả các giải pháp tăng năng suất xếp dỡ hàng container, các giải pháp liên quan hoạt động dịch vụ logistics nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật công nghệ, đồng thời xúc tiến hợp tác thêm các hãng tàu mở tuyến nội địa và quốc tế qua Cảng đảm bảo mục tiêu đạt sản lượng hàng container kế hoạch năm 2025.

Tiếp tục quảng bá Nghị quyết số 38/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế “về việc kéo dài thời gian thực hiện thí điểm một số chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container và các đối tượng có hàng hóa vận chuyển bằng container đi, đến cảng Chân Mây tỉnh Thừa Thiên Huế” để làm việc với các hãng tàu vận động đưa hàng container về Cảng Chân Mây.

2.5. Về công tác tổ chức, lao động

Đổi mới, hoàn thiện cơ cấu lại bộ máy tổ chức, mô hình hoạt động của bộ phận trong toàn Cảng theo hướng tinh gọn, linh hoạt, chuyên nghiệp hóa, tăng phân cấp, phân quyền và thích nghi với sự thay đổi; đẩy mạnh công tác cán bộ, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bổ sung tay nghề cho đội ngũ lao động nhằm sử dụng lao động hiệu quả, một người đảm nhiệm nhiều công việc cùng ngành nghề, tăng năng suất lao động, hiệu quả trong công tác quản lý; xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo chuẩn mực lắng nghe thấu hiểu, tận tụy với khách hàng, lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo công tác quản lý, chỉ đạo và giám sát của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT. HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Dương Bá Hòa



VIETVALUES Audit and Consulting Co., Ltd

Member firm of JPA International

Registered office : 33 Phan Van Khoe, ward 13, district 5, HCMC

Da Nang office : 63/5 Tran Quoc Toan, Phuoc Ninh ward, Hai Chau district,

Da Nang City

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



AUDITOR'S REPORT ON FINANCIAL STATEMENTS

FOR THE FISCAL YEAR ENDED AS OF DECEMBER 31, 2024

CHAN MAY PORT JOINT STOCK COMPANY



Số: 01/2025/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây, được lập ngày 15/02/2025, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

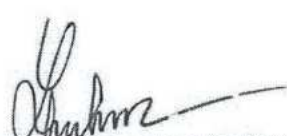
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 15 tháng 02 năm 2025



Trần Xuân Thanh - Giám đốc Chi nhánh
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1650-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền


Lê Thị Thanh Kim - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2896-2024-071-2

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		148.190.945.247	102.138.045.907
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	67.275.325.755	41.415.070.887
111	1. Tiền		21.275.325.755	21.415.070.887
112	2. Các khoản tương đương tiền		46.000.000.000	20.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		33.000.000.000	18.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	33.000.000.000	18.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		38.631.311.603	31.933.110.729
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	20.744.493.069	17.370.328.541
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4a	2.523.345.142	2.476.167.393
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	1.500.000.000	1.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	17.361.560.696	14.047.943.042
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(3.498.087.304)	(3.461.328.247)
140	IV. Hàng tồn kho		8.008.457.781	4.589.754.909
141	1. Hàng tồn kho	V.8	8.008.457.781	4.589.754.909
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.275.850.108	6.200.109.382
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	270.140.752	246.727.185
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		579.991.165	5.234.085.762
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	425.718.191	719.296.435
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		545.201.423.127	569.051.364.101
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.537.863.606	6.032.090.878
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.4b	3.537.863.606	6.032.090.878
220	II. Tài sản cố định		515.692.299.653	535.171.391.569
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	514.500.362.425	533.658.445.065
222	- Nguyên giá		1.055.218.452.692	1.041.290.744.406
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(540.718.090.267)	(507.632.299.341)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	1.191.937.228	1.512.946.504
228	- Nguyên giá		1.974.929.785	1.939.429.785
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(782.992.557)	(426.483.281)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		12.724.451.367	13.624.585.811
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	12.724.451.367	13.624.585.811
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.246.808.501	14.223.295.843
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	13.246.808.501	14.223.295.843
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		693.392.368.374	671.189.410.008

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	4
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		333.276.356.765	336.633.637.988
310	I. Nợ ngắn hạn		110.057.598.962	89.688.062.364
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	7.631.895.664	2.538.210.230
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14a	387.735.544	180.614.416
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	2.930.560.361	-
314	4. Phải trả người lao động	V.16	17.403.415.027	8.782.142.188
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	3.064.641.309	3.136.467.313
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18	467.301.935	517.255.138
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	44.574.686.888	52.003.630.437
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	19.540.000.000	19.540.000.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.21	12.005.772.593	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.22	2.051.589.641	2.989.742.642
330	II. Nợ dài hạn		223.218.757.803	246.945.575.624
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.14b	62.017.488.550	66.204.306.371
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	161.201.269.253	180.741.269.253
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		360.116.011.609	334.555.772.020
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.23	360.116.011.609	334.555.772.020
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		324.054.150.000	324.054.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		324.054.150.000	324.054.150.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		27.259.580.782	27.259.580.782
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.802.280.827	(16.757.958.762)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(16.757.958.762)	(9.361.802.894)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		25.560.239.589	(7.396.155.868)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		693.392.368.374	671.189.410.008

BÙI THỊ NGỌC LINH

Người lập biểu

NGÔ KHÁNH TOÀN

Kế toán trưởng

HUỲNH VĂN TOÀN

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	383.208.049.101	227.424.257.898
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		383.208.049.101	227.424.257.898
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	293.150.943.216	181.985.494.370
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		90.057.105.885	45.438.763.528
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.533.220.852	2.135.776.847
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	14.098.862.916	18.992.882.156
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		14.084.564.075	18.992.882.156
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	2.971.277.248	2.524.920.573
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	45.930.443.292	33.432.426.995
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		28.589.743.282	(7.375.689.349)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	1.180.590	22.690.107
32	12. Chi phí khác	VI.8	100.123.922	34.997.017
40	13. Lợi nhuận khác		(98.943.332)	(12.306.910)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.490.799.950	(7.387.996.259)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	2.930.560.361	8.159.609
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		25.560.239.589	(7.396.155.868)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9a	789	(228)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9b	789	(228)

BÙI THỊ NGỌC LINH

Người lập biểu

NGÔ KHÁNH TOÀN

Kế toán trưởng

HUỖNH VĂN TOÀN

Giám đốc

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		28.490.799.950	(7.387.996.259)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10, 11	33.442.300.202	34.442.728.314
03	- Các khoản dự phòng	V.7	12.042.531.650	196.545.688
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.3	(19.926.800)	(39.189.694)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(1.422.732.624)	(2.053.459.053)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	14.084.564.075	18.992.882.156
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động		86.617.536.453	44.151.511.152
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.557.000.758	7.138.690.331
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.8	(3.418.702.872)	(743.244.387)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		8.670.217.155	11.783.794.578
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.9	953.073.775	(5.210.887.358)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	V.16, VI.4	(14.578.170.894)	(19.379.698.055)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	-	(8.159.609)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	20.000.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.20	(938.153.001)	(56.240.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		78.862.801.374	37.695.766.652
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	V.10, 11, 12	(12.326.044.403)	(28.392.022.628)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	(33.000.000.000)	(18.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		18.000.000.000	10.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	V.6, VI.3	1.309.922.122	2.058.338.505
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(26.016.122.281)	(34.333.684.123)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay	V.19	(19.540.000.000)	(15.660.000.000)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.466.351.025)	(1.025.421.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(27.006.351.025)	(16.685.421.600)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		25.840.328.068	(13.323.339.071)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		41.415.070.887	54.699.220.264
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	VI.3	19.926.800	39.189.694
79	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	67.275.325.755	41.415.070.887

BÙI THỊ NGỌC LINH
Người lập biểu

NGÔ KHÁNH TOÀN
Kế toán trưởng

ĐỖ VĂN TOÀN
Giám đốc



No: 01/2025/BCKT/AUD-VVALUES

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

**To: SHAREHOLDERS, BOARD OF DIRECTORS, AND MANAGEMENT BOARD
CHAN MAY PORT JOINT STOCK COMPANY**

We have audited the accompanying financial statements of Chan May Port Joint Stock Company, prepared on February 15, 2025, from page 07 to page 41, including the Balance Sheet as of December 31, 2024, the Income Statement, and the Cash Flow Statement for the fiscal year ended on that date, as well as the accompanying Notes to the Financial Statements.

Responsibilities of the Management Board

The Management Board is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System, and relevant legal regulations regarding the preparation and presentation of financial statements, and for such internal control as the Executive Board determines is necessary to enable the preparation and presentation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Responsibilities of the Auditor

Our responsibility is to express an opinion on the financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Auditor's Opinion

In our opinion, the financial statements present fairly, in all material respects, the financial position of Chan May Port Joint Stock Company as of December 31, 2024, and the results of its operations and its cash flows for the fiscal year then ended, in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System, and relevant legal regulations regarding the preparation and presentation of financial statements.

Da Nang, February 15, 2025

Vietvalues Auditing and Consulting Co., Ltd -- Da Nang Branch - VIETVALUES



Tran Xuan Thanh -- Branch Director

Audit Practice Certificate No: 1650-2023-071-1

Authorized Signature

Le Thi Thanh Kim - Auditor

Audit Practice Certificate No: 2896-2024-071-2

Recipients:

- As above.
- To be filed - VIETVALUES.

CHANMAY PORT JOINT STOCK COMPANY

Binh An Village, Loc Vinh Commune, Phu Loc District, Hue City, Vietnam

Balance sheet

As of December 31, 2024

BALANCE SHEET
As of December 31, 2024

Unit: VND

Code	ASSETS	Note	Ending balance	Beginning balance
1	2	3	4	5
100	A. CURRENT ASSETS		148,190,945,247	102,138,045,907
110	I. Cash and cash equivalents	V.1	67,275,325,755	41,415,070,887
111	1. Cash		21,275,325,755	21,415,070,887
112	2. Cash equivalents		46,000,000,000	20,000,000,000
120	II. Short-term financial investments		33,000,000,000	18,000,000,000
121	1. Trading securities		-	-
123	2. Held to maturity investments	V.2	33,000,000,000	18,000,000,000
130	III. Short-term receivables		38,631,311,603	31,933,110,729
131	1. Short-term trade receivables	V.3	20,744,493,069	17,370,328,541
132	2. Short-term advances to suppliers	V.4a	2,523,345,142	2,476,167,393
135	3. Short-term loans	V.5	1,500,000,000	1,500,000,000
136	4. Other short-term receivables	V.6	17,361,560,696	14,047,943,042
137	5. Provision for short-term doubtful debts	V.7	(3,498,087,304)	(3,461,328,247)
140	IV. Inventories		8,008,457,781	4,589,754,909
141	1. Inventories	V.8	8,008,457,781	4,589,754,909
149	2. Allowance for devaluation of inventories		-	-
150	V. Other current assets		1,275,850,108	6,200,109,382
151	1. Short-term prepaid expenses	V.9a	270,140,752	246,727,185
152	2. Input VAT recoverable		579,991,165	5,234,085,762
153	3. Taxes, other receivables from the State budget	V.15	425,718,191	719,296,435
200	B. NON-CURRENT ASSETS		545,201,423,127	569,051,364,101
210	I. Long-term receivables		3,537,863,606	6,032,090,878
211	1. Long-term trade receivables		-	-
212	2. Long-term advances to suppliers	V.4b	3,537,863,606	6,032,090,878
220	II. Fixed assets		515,692,299,653	535,171,391,569
221	1. Tangible fixed assets	V.10	514,500,362,425	533,658,445,065
222	- Original cost		1,055,218,452,692	1,041,290,744,406
223	- Accumulated depreciation		(540,718,090,267)	(507,632,299,341)
227	2. Intangible fixed assets	V.11	1,191,937,228	1,512,946,504
228	- Original cost		1,974,929,785	1,939,429,785
229	- Accumulated depreciation		(782,992,557)	(426,483,281)
230	III. Investment properties		-	-
240	IV. Long-term in-progress assets		12,724,451,367	13,624,585,811
241	1. Long-term work-in-progress		-	-
242	2. Basic construction in progress	V.12	12,724,451,367	13,624,585,811
250	V. Long-term financial investments		-	-
260	VI. Other long-term assets		13,246,808,501	14,223,295,843
261	1. Long-term prepaid expenses	V.9b	13,246,808,501	14,223,295,843
268	2. Other long-term assets		-	-
270	TOTAL ASSETS		693,392,368,374	671,189,410,008

CHANMAY PORT JOINT STOCK COMPANY
Binh An Village, Loc Vinh Commune, Phu Loc District, Hue City, Vietnam
Balance sheet (continued)
As of December 31, 2024

Code	RESOURCES	Note	Ending balance	Beginning balance
1	2	3	4	4
300	C. LIABILITIES		333,276,356,765	336,633,637,988
310	I. Short-term liabilities		110,057,598,962	89,688,062,364
311	1. Short-term payables to vendors	V.13	7,631,895,664	2,538,210,230
312	2. Short-term customer advances	V.14a	387,735,544	180,614,416
313	3. Taxes, other payables to the State budget	V.15	2,930,560,361	-
314	4. Payables to employees	V.16	17,403,415,027	8,782,142,188
315	5. Short-term accrued expenses	V.17	3,064,641,309	3,136,467,313
318	6. Short-term unearned revenue	V.18	467,301,935	517,255,138
319	7. Other short-term payables	V.19	44,574,686,888	52,003,630,437
320	8. Short-term borrowings and financial leases	V.20a	19,540,000,000	19,540,000,000
321	9. Short-term accounts payable provisions	V.21	12,005,772,593	-
322	10. Reward and welfare funds	V.22	2,051,589,641	2,989,742,642
330	II. Long-term liabilities		223,218,757,803	246,945,575,624
332	1. Long-term customer advances	V.14b	62,017,488,550	66,204,306,371
338	2. Long-term borrowings and financial leases	V.20b	161,201,269,253	180,741,269,253
400	D. EQUITY		360,116,011,609	334,555,772,020
410	I. Owner's equity	V.23	360,116,011,609	334,555,772,020
411	1. Investment capital of owners		324,054,150,000	324,054,150,000
411a	- Common stock with voting rights		324,054,150,000	324,054,150,000
411b	- Preferred stock		-	-
418	2. Development investment fund		27,259,580,782	27,259,580,782
421	3. Undistributed after-tax profits		8,802,280,827	(16,757,958,762)
421a	- Accumulated at the end of the previous year		(16,757,958,762)	(9,361,802,894)
421b	- Undistributed after-tax profits for this year		25,560,239,589	(7,396,155,868)
430	II. Other sources and funds		-	-
431	1. Funding sources		-	-
432	2. Funding sources for fixed assets formation		-	-
440	TOTAL RESOURCES		693,392,368,374	671,189,410,008

BUI THI NGOC LINH
Preparer
NGO KHANH TOAN
Chief Accountant
HUYNH VAN TOAN
General Director


CHANMAY PORT JOINT STOCK COMPANY

Binh An Village, Loc Vinh Commune, Phu Loc District, Hue City, Vietnam

Income statement

For the fiscal year ended on December 31, 2024

INCOME STATEMENT **For the fiscal year ended on December 31, 2024**

Unit: VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
1	2	3	4	5
01	1. Revenue from sales of goods and services	VI.1	383,208,049,101	227,424,257,898
02	2. Deductions from revenue		-	-
10	3. Net revenue from sales of goods and services		383,208,049,101	227,424,257,898
11	4. Cost of goods sold	VI.2	293,150,943,216	181,985,494,370
20	5. Gross profit from sales of goods and services		90,057,105,885	45,438,763,528
21	6. Financial income	VI.3	1,533,220,852	2,135,776,847
22	7. Financial expenses	VI.4	14,098,862,916	18,992,882,156
23	Including: Interest expenses		14,084,564,075	18,992,882,156
25	8. Selling expenses	VI.5	2,971,277,248	2,524,920,573
26	9. General administrative expenses	VI.6	45,930,443,292	33,432,426,995
30	10. Net profit from business operations		28,589,743,282	(7,375,689,349)
31	11. Other income	VI.7	1,180,590	22,690,107
32	12. Other expenses	VI.8	100,123,922	34,997,017
40	13. Other profit		(98,943,332)	(12,306,910)
50	14. Total accounting profit before tax		28,490,799,950	(7,387,996,259)
51	15. Current corporate income tax expenses	V.15	2,930,560,361	8,159,609
52	16. Deferred corporate income tax expenses		-	-
60	17. Net profit after corporate income tax		25,560,239,589	(7,396,155,868)
70	18. Basic earnings per share	VI.9a	789	(228)
71	19. Diluted earnings per share	VI.9b	789	(228)

BUI THI NGOC LINH

Preparer

NGO KHANH TOAN

Chief Accountant

HUYNH VAN TOAN

General Director



Phu Loc, February 15, 2025

CHANMAY PORT JOINT STOCK COMPANY

Binh An Village, Loc Vinh Commune, Phu Loc District, Hue City, Vietnam


Statement of cash flows

For the fiscal year ended on December 31, 2024

STATEMENT OF CASH FLOWS
(Indirect method)
For the fiscal year ended on December 31, 2024

Unit: VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
1	2	3	4	5
	I. CASH FLOW FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	1. Profit before tax		28,490,799,950	(7,387,996,259)
	2. Adjustments for:			
02	- Depreciation of fixed assets and investment properties	V.10, 11	33,442,300,202	34,442,728,314
03	Provisions	V.7	12,042,531,650	196,545,688
04	-(Gain)/loss from revaluation of foreign currency denominated monetary items	VI.3	(19,926,800)	(39,189,694)
05	-(Gain)/loss from investing activities	VI.3	(1,422,732,624)	(2,053,459,053)
06	- Interest expenses	VI.4	14,084,564,075	18,992,882,156
07	- Other adjustments		-	-
08	3. Profit from operating activities before changes in working capital		86,617,536,453	44,151,511,152
09	- Increase/decrease in receivables		1,557,000,758	7,138,690,331
10	- Increase/decrease in inventories	V.8	(3,418,702,872)	(743,244,387)
11	- Increase/decrease in payables		8,670,217,155	11,783,794,578
12	- Increase/decrease in prepaid expenses	V.9	953,073,775	(5,210,887,358)
14	- Interest paid	V.16, VI.4	(14,578,170,894)	(19,379,698,055)
15	- Corporate income tax paid	V.15	-	(8,159,609)
16	- Other cash received from operating activities		-	20,000,000
17	- Other cash paid for operating activities	V.20	(938,153,001)	(56,240,000)
20	Net cash flow from operating activities		78,862,801,374	37,695,766,652
	II. CASH FLOW FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	1. Cash paid for the acquisition of fixed assets, investment properties and other long-term assets	V.10, 11, 12	(12,326,044,403)	(28,392,022,628)
23	2. Cash paid for lending, purchasing debt instruments of other entities	V.2	(33,000,000,000)	(18,000,000,000)
24	3. Cash received from repayment of loans, sale of debt instruments of other entities		18,000,000,000	10,000,000,000
27	4. Cash received from loans interest, profits distributed	V.6, VI.3	1,309,922,122	2,058,338,505
30	Net cash flow from investing activities		(26,016,122,281)	(34,333,684,123)
	III. CASH FLOW FROM FINANCING ACTIVITIES			
34	1. Cash paid for repayment of principal on borrowings	V.19	(19,540,000,000)	(15,660,000,000)
36	2. Dividends, profits paid to owners		(7,466,351,025)	(1,025,421,600)
40	Net cash flow from financing activities		(27,006,351,025)	(16,685,421,600)
50	Net cash flow for the period		25,840,328,068	(13,323,339,071)
60	Cash, cash equivalents at the beginning of the year		41,415,070,887	54,699,220,264
61	Effect of exchange rate changes on cash and cash	VI.3	19,926,800	39,189,694
70	Cash and cash equivalents at the end of the period	V.1	67,275,325,755	41,415,070,887


BUI THI NGOC LINH
Preparer


NGO KHANH TOAN
Chief Accountant


HUYNH VAN TOAN
General Director



February 15, 2025

This report should be read in conjunction with the notes to the financial statements

TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP TÀU THUY
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CHÂN MÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/BC-BKS

Thành phố Huế, ngày 02 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Chân Mây

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2024, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Chân Mây xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 các nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024

- Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Chân Mây nhiệm kỳ 2020-2025 gồm có 3 thành viên trong đó hai thành viên chuyên trách và một thành viên không chuyên trách thuộc Tổng Công ty. Trong đó, thù lao của thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách được hưởng là 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Ban kiểm soát đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên BKS trên các mặt hoạt động của Công ty. Thường xuyên tiến hành tổ chức công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với kế hoạch được Tổng công ty phê duyệt thông qua người đại diện vốn; xem xét báo cáo tài chính và các hoạt động đầu tư các dự án trên cơ sở phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Trong năm 2024, BKS đã thực hiện 10 cuộc họp và đã ban hành 10 báo cáo kiểm tra, giám sát các hoạt động của đơn vị.

- Ban kiểm soát phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán và Công ty kiểm toán độc lập tiến hành thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty do Ban Điều hành lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt.

- Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tuần của Ban Điều hành và một số cuộc họp khác với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của đơn vị.

- Trong năm, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông về yêu cầu xem xét hoạt động của Công ty, về việc quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

II. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2024

Năm 2024, sản lượng thông qua Cảng Chân Mây 5.394.231 tấn đạt 115% kế hoạch, doanh thu 383.208 triệu đồng đạt 139% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 25,5 tỷ đồng. Sản lượng hàng container vẫn chưa đạt kỳ vọng (chỉ đạt 35% so với kế hoạch) do nhu cầu tại địa phương và vùng lân cận giảm.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ % thực hiện/kế hoạch
1	Tổng sản lượng	Tấn	5.394.231	4.700.000	115%
2	Trong đó: SL hàng cont	TEUs	8.395	23.760	35%
3	Tổng doanh thu	Trđ	383.208	276.400	139%
4	Trong đó: DT hàng cont	Trđ	11.289	31.291	36%
5	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	25.560	476	
6	Nộp ngân sách	Trđ	3.863	500	
7	Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	17.080.000	11.990.000	142%

Nguyên nhân chủ yếu để sản lượng, doanh thu năm 2024 tăng mạnh và vượt xa kế hoạch năm 2024 là do:

+ Mặt hàng gỗ dăm năm 2024 sản lượng đạt 2.038.000 tấn bằng 198% so với cùng kỳ năm 2023. Doanh thu năm 2024 đạt 105 tỷ đồng tăng tương ứng 199% so với năm 2023.

+ Doanh thu dịch vụ tàu du lịch năm 2024 đạt 19,8 tỷ đồng bằng 202% so với cùng kỳ năm 2023.

+ Doanh thu dịch vụ thuê bãi năm 2024 đạt 64,5 tỷ đồng so với năm 2023 chỉ 5,4 tỷ đồng.

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 trên cơ sở tuân thủ đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành. Công ty đã thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính định kỳ với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. BKS thống nhất với số liệu trong Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, xác nhận Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty đến thời điểm 31/12/2024. Trên cơ sở đó, BKS kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 do Ban Điều hành báo cáo và đã được kiểm toán với số liệu như sau:

1. Tóm tắt Bảng kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: VN đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Thay đổi	% thay đổi
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	383,208,049,101	227,424,257,898	155,783,791,203	168%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	383,208,049,101	227,424,257,898	155,783,791,203	168%
4. Giá vốn hàng bán	293,150,943,216	181,985,494,370	111,165,448,846	161%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	90,057,105,885	45,438,763,528	44,618,342,357	198%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1,533,220,852	2,135,776,847	(602,555,995)	72%
7. Chi phí tài chính	14,098,862,916	18,992,882,156	(4,894,019,240)	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	14,084,564,075	18,992,882,156	(4,908,318,081)	
8. Chi phí bán hàng	2,971,277,248	2,524,920,573	446,356,675	118%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	45,930,443,291	33,432,426,995	12,498,016,296	137%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	28,589,743,282	(7,375,689,349)	35,965,432,631	-388%
11. Thu nhập khác	1,180,590	22,690,107	(21,509,517)	5%
12. Chi phí khác	100,123,922	34,997,017	65,126,905	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(98,943,332)	(12,306,910)	(86,636,422)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	28,490,799,950	(7,387,996,259)	35,878,796,209	-386%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,930,560,361	8,159,609	2,922,400,752	

16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	25,560,239,589	(7,396,155,868)	32,956,395,457	-346%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)				

2. Tóm tắt Bảng cân đối kế toán:

ĐVT: VN đồng

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi	% thay đổi
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	148,190,945,247	102,138,045,907	46,052,899,340	145%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	67,275,325,755	41,415,070,887	25,860,254,868	162%
1. Tiền	21,275,325,755	21,415,070,887	(139,745,132)	99%
2. Các khoản tương đương tiền	46,000,000,000	20,000,000,000	26,000,000,000	230%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	33,000,000,000	18,000,000,000	15,000,000,000	183%
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	33,000,000,000	18,000,000,000	15,000,000,000	183%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	38,631,311,603	31,933,110,729	6,698,200,874	121%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	20,744,493,069	17,370,328,541	3,374,164,528	119%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2,523,345,142	2,476,167,393	47,177,749	102%
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1,500,000,000	1,500,000,000	-	100%
4. Phải thu ngắn hạn khác	17,361,560,696	14,047,943,042	3,313,617,654	124%
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(3,498,087,304)	(3,461,328,247)	(36,759,057)	101%
IV. Hàng tồn kho	8,008,457,781	4,589,754,909	3,418,702,872	174%
1. Hàng tồn kho	8,008,457,781	4,589,754,909	3,418,702,872	174%
V. Tài sản ngắn hạn khác	1,275,850,108	6,200,109,382	(4,924,259,274)	21%
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	270,140,752	246,727,185	23,413,567	109%
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	579,991,165	5,234,085,762	(4,654,094,597)	11%
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	425,718,191	719,296,435	(293,578,244)	59%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	545,201,423,127	569,051,364,101	(23,849,940,974)	96%
I. Các khoản phải thu dài hạn	3,537,863,606	6,032,090,878	(2,494,227,272)	59%
1. Trả trước cho người bán	3,537,863,606	6,032,090,878	(2,494,227,272)	59%

dài hạn				
II. Tài sản cố định	515,692,299,653	535,171,391,569	(19,479,091,916)	96%
1. Tài sản cố định hữu hình	514,500,362,425	533,658,445,065	(19,158,082,640)	96%
- Nguyên giá	1,055,218,452,692	1,041,290,744,406	13,927,708,286	101%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(540,718,090,267)	(507,632,299,341)	(33,085,790,926)	107%
2. Tài sản cố định vô hình	1,191,937,228	1,512,946,504	(321,009,276)	
- Nguyên giá	1,974,929,785	1,939,429,785	35,500,000	102%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(782,992,557)	(426,483,281)	(356,509,276)	184%
III. Tài sản dở dang dài hạn	12,724,451,367	13,624,585,811	(900,134,444)	93%
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12,724,451,367	13,624,585,811	(900,134,444)	93%
IV. Tài sản dài hạn khác	13,246,808,501	14,223,295,843	(976,487,342)	93%
1. Chi phí trả trước dài hạn	13,246,808,501	14,223,295,843	(976,487,342)	93%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	693,392,368,374	671,189,410,008	22,202,958,366	103%
C. NỢ PHẢI TRẢ	333,276,356,765	336,633,637,988	(3,357,281,223)	99%
I. Nợ ngắn hạn	110,057,598,962	89,688,062,364	20,369,536,598	123%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	7,631,895,664	2,538,210,230	5,093,685,434	301%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	387,735,544	180,614,416	207,121,128	215%
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2,930,560,361			
4. Phải trả người lao động	17,403,415,027	8,782,142,188	8,621,272,839	198%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3,064,641,309	3,136,467,313	(71,826,004)	98%
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	467,301,935	517,255,138	(49,953,203)	
7. Phải trả ngắn hạn khác	44,574,686,888	52,003,630,437	(7,428,943,549)	86%
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19,540,000,000	19,540,000,000	-	100%
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	12,005,772,593			
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,051,589,641	2,989,742,642	(938,153,001)	69%
II. Nợ dài hạn	223,218,757,803	246,945,575,624	(23,726,817,821)	90%
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	62,017,488,550	66,204,306,371	(4,186,817,821)	94%
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	161,201,269,253	180,741,269,253	(19,540,000,000)	89%
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	360,116,011,609	334,555,772,020	25,560,239,589	108%
I. Vốn chủ sở hữu	360,116,011,609	334,555,772,020	25,560,239,589	108%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	324,054,150,000	324,054,150,000	-	100%
2. Quỹ đầu tư phát triển	27,259,580,782	27,259,580,782	-	100%
3. Lợi nhuận sau thuế chưa	8,802,280,827	(16,757,958,762)	25,560,239,589	-53%

phân phối				
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(16,757,958,762)	(9,361,802,894)	(7,396,155,868)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	25,560,239,589	(7,396,155,868)	32,956,395,457	-346%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	693,392,368,374	671,189,410,008	22,202,958,366	103%

3. Tóm tắt Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

DVT: VN đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Kỳ này từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Kỳ này từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28,490,799,950	(7,387,996,259)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		33,442,300,202	34,442,728,314
- Các khoản dự phòng	03		12,042,531,650	196,545,688
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(19,926,800)	(39,189,694)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,422,732,624)	(2,053,459,053)
- Chi phí lãi vay	06		14,084,564,075	18,992,882,156
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		86,617,536,453	44,151,511,152
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1,557,000,758	7,138,690,331
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3,418,702,872)	(743,244,387)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		8,670,217,155	11,783,584,578
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		953,073,775	(5,210,887,358)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14,578,170,894)	(19,379,698,055)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(8,159,609)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			20,000,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(938,153,001)	(56,240,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78,862,801,374	37,695,556,652
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(12,326,044,403)	(28,392,022,628)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33,000,000,000)	(18,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18,000,000,000	10,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			

7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,309,922,122	2,058,338,505
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26,016,122,281)	(34,333,684,123)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19,540,000,000)	(15,660,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7,466,351,025)	(1,025,421,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27,006,351,025)	(16,685,421,600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	25,840,328,068	(13,323,549,071)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	41,415,070,887	54,699,220,264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19,926,800	39,189,694
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	67,275,325,755	41,414,860,887

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

TT	CHỈ TIÊU	DVT	NĂM 2024	NĂM 2023	GHI CHÚ
1	Cơ cấu tài sản				
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	0.21	0.15	
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	0.79	0.85	
2	Cơ cấu nguồn vốn				
	Nợ phải trả/Vốn CSH	%	1.03	1.04	
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0.48	0.50	
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	0.47	0.48	
3	Khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1.27	1.09	
	Khả năng thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1.35	1.14	
4	Hiệu quả				
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0.0369	(0.0110)	
	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	0.0469	(0.0130)	
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	0.0789	(0.0228)	

Chỉ tiêu Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh: Dòng tiền thuần có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 dương (+) 78 tỷ đồng cho thấy hoạt động của doanh nghiệp được diễn ra liên tục và đảm bảo hoạt động hiệu quả cho việc đầu tư và bù đắp các chi phí.

Hệ số khả năng thanh toán hiện tại là chỉ số đo lường khả năng doanh nghiệp đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Chỉ số này ở mức 2-3 lần được xem là tốt,

lu

nhưng hiện nay chỉ số này của đơn vị khoảng 1 lần cho thấy thời gian đến việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của đơn vị trong tương lai sẽ khó khăn.

Nhìn chung, năm 2024 các chỉ tiêu tài chính của Công ty đã đạt kế hoạch, kết quả tài chính đảm bảo được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo đảm và phát triển.

III. Về công tác hoạt động của 3 Xí nghiệp

Thực hiện Kế hoạch kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp Xếp dỡ, Xí nghiệp Cơ giới, Xí nghiệp Dịch vụ cung ứng tàu biển trực thuộc Công ty cổ phần Cảng Chân Mây năm 2024, Ban Kiểm soát đã báo cáo HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty kết quả kiểm tra (BC số 06/BKS-CM ngày 19/07/2024), Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

1). Kiến nghị đối với Xí nghiệp Cơ giới:

- Kiến nghị Xí nghiệp lập Biên bản kiểm tra nhiên liệu tiêu hao định kỳ hàng tháng cho tất cả thiết bị, có xác nhận của Phòng Kỹ thuật để phục vụ việc quản lý thiết bị, phát hiện kịp thời các biến động bất thường.
- Kiến nghị Xí nghiệp lưu trữ hồ sơ liên quan đầy đủ, Phiếu đề xuất, các loại Phiếu nhận vật tư... phải ghi đầy đủ nội dung và có chữ ký xác nhận đầy đủ của các bộ phận liên quan.
- Kiến nghị Xí nghiệp lập kế hoạch và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị đúng thời gian quy định.
- Kiến nghị Xí nghiệp rà soát và đề xuất làm lại định mức tiêu hao nhiên liệu cho các thiết bị bao gồm xe xịt nước (xe và máy bơm). Phần lớn thiết bị vẫn còn áp dụng Định mức tiêu hao nhiên liệu ban hành từ năm 2021.

2). Kiến nghị đối với Xí nghiệp Xếp dỡ:

- Đối với công đoạn vét than, kiến nghị Xí nghiệp cùng các bộ phận liên quan nghiên cứu làm sao giảm được thời gian nghỉ xuống thấp hơn nữa để tăng năng suất, trung bình thời gian nghỉ chiếm hơn 40% thời gian vét là quá lớn.
- Kiến nghị Xí nghiệp đề xuất Công ty bổ sung nhân lực (huy động người tại chỗ từ các bộ phận khác, thuê ngoài, tuyển thêm), đảm bảo đủ nhân lực để bố trí vào dây chuyền sản xuất đúng quy trình công nghệ xếp dỡ, nhất là đủ nhân lực vét tàu than.
- Kiến nghị Xí nghiệp nghiên cứu cách trả lương riêng cho công đoạn vét than để kích lệ tinh thần của người lao động, nâng cao năng suất.

3). Kiến nghị đối với Xí nghiệp Dịch vụ cung ứng tàu biển

- Kiến nghị Xí nghiệp định mức tiêu hao nhiên liệu lại cho tàu Chân Mây 01.
- Kiến nghị Xí nghiệp xây dựng quy trình quản lý, mua bán điện nước.

- Kiến nghị Công ty xem xét xử lý số liệu chênh lệch dầu nhớt các loại để khớp với sổ sách kế toán theo quy định.

IV. Báo cáo kết quả giám sát đầu tư các dự án

Trong kế hoạch đầu tư một số hạng mục trong năm 2024, tổng giá trị đầu tư năm 2024 là **302.108** triệu đồng, Trong đó: giá trị thực hiện đạt: **24.152** triệu đồng, và giá trị giải ngân **23.987** triệu đồng. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án/BCKTKT đầu tư xây dựng (Xây dựng, Mua sắm trang thiết bị, Sửa chữa)	Kế hoạch năm 2024		Thực hiện năm 2024		Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	
	Tổng cộng(A+B+C+D+E+F)	302,108	-	24,152	23,987	
B	Các dự án nhóm B	244,816		38.5	702.6	
B.1	Dự án chuyển tiếp	244,816		38.5	702.6	
	Giai đoạn hoàn thiện	244,816	Liên kết đầu tư	38.5	702.6	Nạo vét, cầu dẫn
C	Dự án nhóm C	7,050		4,410	4,410	
C.1	Dự án chuyển tiếp	7,050		4,410	4,410	
-	Mua sắm xe nâng 10 tấn	2,200	Quỹ đầu tư phát triển	1,100	1,100	hoàn thành 2024
-	Cải tạo nâng cấp hệ thống tang cáp điện đầu cần cầu Gottwald HMK 170E	900	Quỹ đầu tư phát triển	9.5	9.5	
-	Mua sắm cáp tải cần cầu Gottwald HMK 170E	950	Vốn tự có	825	825	hoàn thành 2024

Handwritten signature

-	Mua sắm đệm tựa tàu 1300H	3,000	Vốn tự có	2,475	2,475	hoàn thành 2024
D	Các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	50,242		17,319	16,411	-
D.1	Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng chuyển tiếp	50,242		17,319	16,411	
-	Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vũng quay tàu của bến trong (bến 120m)	3,826	Quỹ đầu tư phát triển			chuyển tiếp thực hiện sang năm 2025
-	Sửa chữa, bảo trì Bến số 1 – Cảng Chân Mây	8,114	Chi phí SXKD	7,446	6,246	Hoàn thành 2024
-	Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 - Cảng Chân Mây	8,640	Chi phí SXKD			Dự kiến hoàn thành nạo vét duy tu trong quý III năm 2025
-	Thiết lập khu neo chuyển tải hàng tổng hợp, hàng rời cho tàu có trọng tải đến 200.000DWT tại Vịnh Chân Mây	3,500	Liên kết đầu tư			QĐ công bố mở khu chuyển tải số 1051/QĐ-CHHVN ngày 23/7/2024
-	Kiểm định nâng cấp Bến số 2 - Cảng Chân Mây được tiếp nhận tàu hàng có trọng tải đến 70.000 tấn	550	Quỹ đầu tư phát triển		132	hoàn thành 2024
-	Sửa chữa Bến số 1 - Cảng Chân Mây (hạng mục Sửa chữa hệ dầm, bản mặt sàn và bảo vệ đầu cọc năm 2023)	10,000	Quỹ đầu tư phát triển	6,321	7,569	

-	Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp Bến số 1 - Cảng Chân Mây	3,500	Quỹ đầu tư phát triển	2,757	1,739	hoàn thành 2024
-	Lắp đặt hệ thống PCCC kho bãi mở rộng Bến số 1 - Cảng Chân Mây	4,112	Quỹ đầu tư phát triển	181	181	
-	Lập hồ sơ môi trường Bến số 1 - Cảng Chân Mây (Bao gồm Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép nhận chìm, Giao khu vực biên đồ đất nạo vét, Phí môi trường đồ đất nạo vét Bến số 1 - Cảng Chân Mây)	6,200	Vốn tự có			
-	Hàng rào nhà kho 7000m2	1,200	Quỹ đầu tư phát triển	615	544	hoàn thành 2024
-	Bổ sung công năng cho Bến số 2 để đón tàu khách du lịch	300	Vốn tự có			
-	Bổ sung công năng cho Bến số 1 để đón tàu hàng container	300	Vốn tự có			hoàn thành 2024
F	Các hạng mục khác phục vụ SXKD năm 2024	-		2,385.089	2,464.019	

V. Kết quả hoạt động của HĐQT và Ban TGD

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2024, Ban kiểm soát đánh giá HĐQT và BTGD đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

1. Đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm qua:

- Trong năm, HĐQT đã hoàn thành việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty. Các chính sách của HĐQT mang tính định hướng mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và chỉ đạo Ban Tổng

Giám đốc triển khai thực hiện; xây dựng chiến lược, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, hiệu quả giúp kết quả đạt được vượt kế hoạch đề ra.

- Căn cứ các Tờ trình, HĐQT đã tổ chức họp 4 phiên họp có biên bản, 22 biên bản lấy ý kiến, đã ban hành 45 Nghị quyết, Quyết định và 11 báo cáo Người đại diện vốn gửi TCT. Các văn bản được lập đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đánh giá các hoạt động của Ban TGD trong năm qua:

- Ban TGD đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng Quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, không có vi phạm nào làm ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Triển khai thường xuyên các cuộc họp giao ban hàng tuần để tập trung giải quyết kịp thời các vướng mắc trong hoạt động SXKD của Công ty.

- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được HĐQT chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

VI. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD

- Trong năm 2024, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của đơn vị, của cổ đông và theo đúng các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Các thành viên BKS đều được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, hàng tuần tham dự cuộc họp giao ban của Ban Giám đốc điều hành.

Với cổ đông, BKS không nhận được thư yêu cầu hay khiếu nại của Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông về hoạt động của công ty trong thời gian qua.

VI. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Trong những năm qua không có phát sinh giao dịch này.

VII. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 của Ban kiểm soát

Kế hoạch hoạt động trong năm 2025 của BKS tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua;
- Lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn.
- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Lập báo cáo thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và 1 năm trình HĐQT;
- Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh tại 3 Xí nghiệp;
- Xây dựng kế hoạch đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và giám sát việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của khách hàng;
- Phân tích, đánh giá chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, kiến nghị phương án tiết kiệm chi phí năm 2025.
- Phân công nhiệm vụ của các thành viên trong Ban kiểm soát, xây dựng báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025;
- Kiểm soát việc tuân thủ công tác công bố thông tin của Công ty được thực hiện minh bạch theo đúng nội dung quy định của Công ty niêm yết;
- Và thực hiện các công tác khác theo quy định.

VIII. Kiến nghị của Ban kiểm soát

- Trong năm 2024 một số Dự án triển khai chậm tiến độ theo quy định, kiến nghị Công ty đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Dự án theo đúng thời gian quy định.
- Đối với các khoản nợ khó đòi và các khoản nợ xấu đã được trích dự phòng và chưa trích lập dự phòng, kiến nghị Công ty tiếp tục nghiên cứu, theo dõi sát sao để có biện pháp thu hồi nợ cho Công ty;

Trên đây là báo cáo công tác kiểm tra, giám sát kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024. Ban kiểm soát kính trình quý vị cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BDH;
- Ban KS;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phan Tuấn Anh